

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Chang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI
PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN
PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Chang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Thanh Huyền**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Chang

Mã SV:110081

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán chi tập hợp phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong trong 2 năm gần đây.
 - Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ngô Thị Thanh Huyền

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường trung cấp nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

Nội dung hướng dẫn:

- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 09 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 28 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có sự đổi mới sâu sắc. Đặc biệt, sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức WTO đã tạo ra một bước ngoặt mới trong sự phát triển kinh tế của nước ta, nó mở ra trước mặt các doanh nghiệp nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức và khó khăn. Hoạt động trong nền kinh tế đó các doanh nghiệp phải đứng trước sự cạnh tranh hết sức gay gắt, chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế như Quy luật cung cầu, Quy luật cạnh tranh, Quy luật giá trị ... Do đó, để có thể đứng vững, tồn tại phải mang lại hiệu quả xác thực, tức là đem lại lợi nhuận. Lợi nhuận chính là tiền đề cho doanh nghiệp tồn tại, chiếm lĩnh thị trường và phát triển.

Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp phải hoàn toàn tự chủ trong sản xuất kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập, tức là lấy thu nhập bù chi phí, có doanh lợi để tăng tích lũy, từ đó tái sản xuất mở rộng không ngừng. Để thực hiện được điều đó, doanh nghiệp phải tổng hòa các biện pháp quản lý đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đặc biệt là phải tổ chức tốt việc sản xuất sản phẩm nhằm giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xuống tới mức giới hạn thấp nhất.

Tuy nhiên, trong các doanh nghiệp hiện nay, công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng còn bộc lộ nhiều tồn tại chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và quá trình hội nhập. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng nhằm phản ánh đúng chi phí, làm cơ sở cho việc tính toán chính xác chi phí, giá thành sản phẩm cho ban quản trị, cung cấp thông tin phục vụ cho việc điều hành kiểm tra chi phí và hoạch định chiến lược của doanh nghiệp trở thành một nhu cầu cấp thiết.

Nhận thức được tầm quan trọng này, sau thời gian học tập tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng và thực tập tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong, với sự hướng dẫn nhiệt tình của ThS. Ngô Thị Thanh Huyền cùng các cán bộ, nhân viên phòng kế toán tài chính của công ty em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và chọn đề tài tốt nghiệp:

" Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong".

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Hệ thống lý luận chung về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Mô tả và phân tích thực trạng về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.
- Đề xuất những kiến nghị nhằm từng bước hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong

4. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chung: Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ,...) phương pháp nghiên cứu tài liệu ...
- Phương pháp kỹ thuật trong trình bày: Kết hợp giữa mô tả và phân tích, giữa luận giải với bảng, biểu sơ đồ.

5. Kết cấu của khóa luận:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

CHƯƠNG I:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế

1.1.1. Bản chất của chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất trong một kỳ nhất định (tháng, quý, năm). Chi phí kinh doanh trong một kỳ nhất định bao gồm toàn bộ phần tài sản hao mòn hoặc tiêu dùng hết cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Vì vậy: Thực chất của chi phí sản xuất là sự chuyển dịch vốn – chuyển dịch giá các yếu tố vào đối tượng tính giá thành.

1.1.2. Nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp phải có đủ 3 yếu tố cơ bản:

- Đối tượng lao động
- Sức lao động
- Tư liệu lao động

Tương ứng với các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh là chi phí sản xuất kinh doanh nói chung của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí về các đối tượng lao động (Nguyên vật liệu ...)
- Chi phí về lao động (chi phí nhân công)
- Chi phí về các tư liệu lao động chủ yếu (tài sản cố định)
- Chi phí về các dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền.

Trong nền kinh tế thị trường, các chi phí liên quan trên đều được thể hiện bằng một lượng giá trị nhất định, tức là biểu hiện bằng tiền, trong đó chi phí nhân công là biểu hiện bằng tiền của hao phí lao động sống, còn chi phí về khấu hao tài

sản cố định, chi phí về nguyên vật liệu, nhiên liệu là biểu hiện bằng tiền của hao phí về lao động vật hóa.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp, nhưng để phục vụ cho quản lý và hạch toán chi phí sản xuất phải được tính toán tập hợp theo từng thời kỳ phù hợp với kỳ báo cáo.

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm:

1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm.

- Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí của doanh nghiệp đã bỏ ra để hoàn thành việc sản xuất và tiêu thụ một đơn vị sản phẩm hay loại sản phẩm nhất định.

- Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong suốt quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đang thực hiện nhằm đạt được những mục đích sản xuất khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí bỏ ra thấp nhất. Giá thành còn là căn cứ để tính toán xác định hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất cũng như hiệu quả quản trị chi phí của doanh nghiệp.

- Bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành.

1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm có 2 chức năng chính: Chức năng bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

- Chức năng bù đắp chi phí: thể hiện ở toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp chi ra để hoàn thành một khối lượng sản phẩm nhất định phải được bù đắp bằng số tiền thu được về tiêu thụ sản phẩm.

- Chức năng lập giá: Giá bán phải có khả năng bù đắp chi phí vật chất để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm cho các doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường và có thể bù đắp được hao phí để thực hiện quá trình tái sản xuất. Giá bán của sản phẩm phải được dựa trên cơ sở giá thành để xác định.

Như vậy giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

*** *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm***

Mối quan hệ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện trên hai khía cạnh:

- Về mặt chất: Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm biểu hiện toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình sản xuất, biểu hiện bằng tiền. Nhưng chi phí phản ánh hao phí còn giá thành phản ánh mặt kết quả sản xuất.
- Về mặt lượng: Chi phí sản xuất luôn gắn với thời kỳ phát sinh chi phí, giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm đã hoàn thành.
- Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có thể khác nhau khi có sản phẩm dở dang đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Trong đó:

Z: Tổng giá thành sản phẩm

D_{dk} : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

D_{ck} : Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

C : Tổng chi phí phát sinh trong kỳ

Như vậy chi phí sản xuất là căn cứ để tính giá thành sản phẩm hoàn thành. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là hai giai đoạn kế tiếp nhau của quá trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

1.2.3. Nhiệm vụ của chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Để tổ chức và quản lý tốt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý.

- Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán tồn kho mà doanh nghiệp đã lựa chọn
- Tổ chức tập hợp kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định theo các yếu tố chi phí và khoản mục giá thành.
- Lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố, định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp.
- Tổ chức kiểm kê và đánh giá khối lượng sản phẩm dở dang khoa học, hợp lý, xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành sản xuất một cách đầy đủ và chính xác.

1.3. Phân loại chi phí sản xuất:

Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại, mỗi loại có tính chất, nội dung kinh tế và công dụng khác nhau. Để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán, cần phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất. Xuất phát từ các mục đích yêu cầu khác nhau của quản lý, chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các tiêu thức khác nhau.

1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.

Theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất phát sinh có thể có cùng nội dung kinh tế được sắp chung vào một yếu tố bất kể nó phát sinh ở bộ phận nào, dùng để sản xuất ra sản phẩm gì.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất được phân thành 5 yếu tố:

- Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ, nhiên liệu, động lực...sử dụng vào sản xuất (loại trừ giá trị không dùng hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).
- Chi phí nhân công: phản ánh tổng số tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả công nhân viên sản xuất.
- Chi phí khấu hao: phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ phải trích trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho sản xuất trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất.

- Chi phí khác bằng tiền: phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ.

Các yếu tố chi phí phân loại theo cách này có thể thay đổi tăng, giảm còn tùy thuộc theo yêu cầu quản lý các chi phí cũng như tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể về hoạt động sản xuất của mỗi doanh nghiệp.

1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí.

Theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất được xếp thành một số khoản mục nhất định có công dụng kinh tế khác nhau để phục vụ cho yêu cầu tính giá thành và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tính giá thành.

Theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất sản phẩm bao gồm 3 khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu là những chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nửa thành phẩm mua ngoài, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện cung cấp lao vụ dịch vụ.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương công nhân trực tiếp thực hiện quy trình sản xuất, các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất của công nhân trực tiếp thực hiện quá trình sản xuất như kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ các khoản trích tùy thuộc vào quy định hiện hành.

- Chi phí sản xuất chung: bao gồm những chi phí sản xuất còn lại tại phân xưởng như chi phí nhân viên, chi phí nguyên vật liệu phục vụ chung ở phân xưởng, chi phí khấu hao, chi phí khác bằng tiền,... Chi phí sản xuất chung có thể định nghĩa bao gồm tất cả các chi phí không thuộc hai loại chi phí trên phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất.

1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo một số tiêu thức khác.

Ngoài hai cách phân loại trên, chi phí sản xuất còn được phân loại theo một số tiêu thức khác.

- Chi phí ban đầu và chi phí chuyển đổi.

- Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- Chi phí bất biến và chi phí khả biến.
- Chi phí năm trước và chi phí năm nay.
- Chi phí chờ phân bổ và chi phí trích trước.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm:

1.4.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính giá thành.

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại sau:

- Giá thành kế hoạch: Được xác định trước khi bước vào sản xuất kinh doanh trên cơ sở các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Giá thành sản phẩm kế hoạch là mục tiêu phấn đấu trong kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức lại được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Giá thành thực tế: giá thành thực tế được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kỳ.

Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị. Là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước cũng như với các bên liên quan.

1.4.2. Căn cứ theo phạm vi phát sinh chi phí.

Theo phạm vi phát sinh, giá thành sản phẩm được chia thành giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ.

- Giá thành sản xuất sản phẩm (giá thành công xưởng): Giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, công việc hay lao vụ đã hoàn thành.

- Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ (giá thành toàn bộ): Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí sản xuất, quản lý và bán hàng). Do vậy, giá thành tiêu thụ còn được gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & & \text{Giá thành sản} & & \text{Chi phí quản lý} & & \text{Chi phí tiêu thụ} \\ \text{sản phẩm tiêu thụ} & = & \text{xuất sản phẩm} & + & \text{doanh nghiệp} & + & \text{sản phẩm} \end{array}$$

Cách phân loại này giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp biết được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh.

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm của kỳ tính giá thành.

Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác, kịp thời, đòi hỏi công việc đầu tiên mà nhà quản lý phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Vấn đề này có tầm quan trọng đặc biệt trong cả lý luận cũng như thực tiễn hạch toán và là nội dung cơ bản nhất của công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Trong doanh nghiệp sản xuất đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất theo các phạm vi, giới hạn đó. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là xác định nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, đội sản xuất, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ...) và nơi chịu chi phí (sản phẩm, đơn đặt hàng...). Tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể mà đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp có thể là:

- Từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng.

- Từng bộ phận phân xưởng, giai đoạn công nghệ sản xuất.
- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, toàn doanh nghiệp.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là loại sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ,... mà doanh nghiệp tiến hành sản xuất, thực hiện, cần được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Để xác định đối tượng tính giá thành cũng phải dựa vào các căn cứ giống như xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất, việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm được xác định là đối tượng tính giá thành. Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng loại sản phẩm là đối tượng tính giá thành. Đối với quy trình sản xuất gián đoạn thì đối tượng tính giá thành sẽ là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của quy trình công nghệ, còn các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất và chế biến phức tạp thì đối tượng tính giá thành có thể là nửa thành phẩm ở bộ phận, từng chi tiết sản phẩm và sản phẩm đã lắp ráp hoàn thành.

**** Phân biệt đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm:***

- Giống nhau: đều là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí.
- Khác nhau:
 - +) Đối tượng tập hợp chi phí rộng hơn đối tượng tính giá thành ở chỗ nó vừa là nơi phát sinh chi phí vừa là nơi chịu chi phí.
 - +) Đối tượng tính giá thành chỉ là nơi chịu chi phí.
- Mỗi quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành được thể hiện: số liệu về chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở để tính giá thành cho mọi đối tượng tính giá thành có liên quan cụ thể là:

+) Có thể là một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với nhiều đối tượng tính giá thành như các doanh nghiệp dùng một loại nguyên liệu sản xuất nhiều loại sản phẩm.

+) Có thể nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất chỉ tương ứng phù hợp với một đối tượng tính giá thành.

1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm:

Giá thành sản phẩm không thể tính vào bất cứ thời điểm nào mà phải dựa vào khả năng xác định về số lượng cũng như định lượng chi phí sản xuất có liên quan đến kết quả đó. Kỳ tính giá thành là một thời kỳ mà bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành. Xuất phát từ đặc điểm đó nên kỳ tính giá thành không thể giống nhau cho các ngành nghề khác nhau.

- Trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng, kế hoạch sản xuất ổn định, chu kỳ sản xuất ngắn, liên tục có sản phẩm nhập kho thì kế toán áp dụng kỳ tính giá thành là hàng tháng.

- Trường hợp doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, kế toán thường áp dụng kỳ tính giá thành vào thời điểm kết thúc sản xuất đối với đơn đặt hàng, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất sản phẩm.

1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.

1.6.1. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Trên cơ sở đối tượng tính giá thành, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí sản xuất một cách hợp lý. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Có 2 phương pháp thường được sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất:

****Phương pháp tập hợp trực tiếp.***

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các chi phí liên quan trực tiếp đến các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định, tức là đối với các loại chi phí liên quan đến đối tượng nào có thể xác định sẽ tập hợp và quy nạp trực tiếp cho đối tượng đó. Do đó, ngay từ khâu hạch toán ban đầu, chi phí sản xuất phát sinh được

phản ánh riêng cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trên chứng từ ban đầu để căn cứ vào chứng từ thực hiện hạch toán trực tiếp chi phí sản xuất cho từng đối tượng riêng biệt. Theo phương pháp này, chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo mức độ chính xác cao. Vì vậy cần sử dụng tối đa phương pháp tập hợp trực tiếp trong điều kiện có thể cho phép.

*** Phương pháp phân bổ gián tiếp:**

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó phải tập hợp chi phí sản xuất phát sinh chung cho nhiều đối tượng theo từng nơi phát sinh chi phí. Sau đó lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự sau:

+) Xác định hệ số phân bổ:

$$H = \frac{C}{T}$$

+) Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$C_i = T_i \times H$$

Trong đó: H là hệ số phân bổ.

C là tổng chi phí cần phân bổ.

T là tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí.

T_i là tiêu chuẩn dùng để phân bổ của đối tượng i.

C_i là chi phí phân bổ cho đối tượng i.

Với phương pháp phân bổ gián tiếp, mức độ chính xác của chi phí sản xuất tính cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phụ thuộc vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn sử dụng.

1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất

Tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo trình tự hợp lý, khoa học là bước cơ bản để tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời. Doanh nghiệp sản xuất bao gồm nhiều loại hình khác nhau, có đặc điểm riêng về tổ chức sản xuất

quản lý cũng như quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm rất đa dạng. Tuy nhiên theo phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng mà các cách thức hạch toán chi phí sản xuất có những điểm khác nhau. Tuy nhiên, nếu xét một cách tổng quan thì quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất có những điểm chung, có tính chất căn bản bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Tập hợp các chi phí có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất đã lựa chọn.
- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và tính giá thành lao vụ.
- Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.
- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm đã hoàn thành theo các yếu tố chi phí hoặc các khoản mục giá thành trong kỳ tính giá thành đã được xác định. Trong các Doanh nghiệp sản xuất thường áp dụng các phương pháp tính giá thành sau:

1.7.1. Phương pháp trực tiếp:

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất đơn giản, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...). Giá thành sản phẩm hoàn thành được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & & & & & \\ \text{sản phẩm hoàn} & = & \text{Giá trị SPDD} & + & \text{CPSX thực tế} & - & \text{Giá trị SPDD} \\ \text{thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{phát sinh} & & \text{cuối kỳ} \\ & & & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

Phương pháp này có ưu điểm dễ tính toán, cung cấp kịp thời số liệu giá thành trong mỗi kỳ báo cáo, phù hợp với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, sản xuất sản phẩm mang tính chất đơn chiếc. Do đó, phương pháp này được sử dụng phổ biến trong các Doanh nghiệp sản xuất hiện nay.

1.7.2. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí:

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp có quy trình sản xuất gồm nhiều công đoạn sản phẩm của mỗi công đoạn lại được tính giá thành riêng. Kế toán tổng cộng chi phí của các công đoạn để tính ra giá thành cuối cùng theo công thức:

$$\Sigma Z = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Phương pháp tổng cộng chi phí: được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo, may mặc

1.7.3. Phương pháp hệ số:

Thường áp dụng trong doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sử dụng cùng một thứ nguyên vật liệu nhưng cho ra nhiều loại sản phẩm khác nhau. Chi phí sản xuất không tập hợp riêng được cho từng đối tượng sản phẩm mà phải tập hợp chung cho cả quy trình công nghệ. Để tính được giá thành sản phẩm kế toán phải xác định hệ số quy đổi giữa các sản phẩm với nhau từ đó quy đổi tất cả các sản phẩm thành một loại sản phẩm duy nhất gọi là sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy đổi được xây dựng sẵn. Sản phẩm có hệ số 1 được gọi là sản phẩm tiêu chuẩn.

$$\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi (Q}_{oi}) = \sum \left\{ \begin{array}{l} \text{Số lượng hoàn thành} \\ \text{của từng loại sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại} \end{array} \right\}$$

$$Z \text{ đơn vị sản phẩm gốc (Z}_{oi}) = \frac{\text{Tổng giá thành của các loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi (Q}_{oi})}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành vị của từng} \\ \text{loại sản phẩm } i (Z_i) \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị sản} \\ \text{phẩm gốc } (Z_{oi}) \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{sản phẩm } i (H_i) \end{array}$$

Nếu trong quá trình sản xuất có sản phẩm dở dang thì cũng quy đổi về sản phẩm tiêu chuẩn để xác định chi phí sản xuất dở dang.

1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có những đặc điểm giống như ở phương pháp hệ số đã nêu ở trên nhưng giữa các loại sản phẩm không xác định được một hệ số quy đổi. Để tính giá thành từng loại sản phẩm, kế toán phải dựa vào giá thành định mức hoặc giá thành kế hoạch.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phân bổ } Z \text{ thực tế} \\ \text{cho từng loại sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm chính}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm chính}}$$

$$\begin{array}{l} Z \text{ thực tế của} \\ \text{từng loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} Z \text{ kế hoạch của từng} \\ \text{loại sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \end{array}$$

Để xác định từng khoản mục của giá thành thực tế thì lấy giá thành thực tế đã được xác định nhân với tỷ lệ % của từng khoản mục trong cấu thành của giá thành kế hoạch.

1.7.5. Phương pháp tính giá thành theo phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ:

Phương pháp này thường được áp dụng trong doanh nghiệp mà trong cùng một quy trình sản xuất việc tạo ra các sản phẩm chính còn có các sản phẩm phụ (các doanh nghiệp chế biến đường, rượu, bia ...). Để tính giá thành cho sản phẩm chính kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi sản phẩm chính.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{Sp chính hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị dở} \\ \text{đang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng CPSX} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị Sp} \\ \text{phụ thu} \\ \text{hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \\ \text{của sp chính} \end{array}$$

Giá trị sản phẩm phụ thu hồi được tính theo:

Sinh viên: Đào Thị Chang - Lớp QT1105K

- Giá bán có thể thu hồi được
- Giá trị ước tính có thể thu hồi được

1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp liên hợp:

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp trong cùng một quy trình sản xuất vừa tạo ra nhiều loại sản phẩm chính và có cả sản phẩm phụ nên phải kết hợp phương pháp hệ số hoặc tỷ lệ với phương pháp loại trừ sản phẩm phụ mới xác định được giá thành của từng loại sản phẩm chính.

1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng.

Đây là phương pháp tính giá thành trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng của người mua. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức công tác kế toán chi phí phải được chi tiết hoá theo từng đơn đặt hàng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào từng đơn đặt hàng có liên quan, riêng chi phí phục vụ và quản lý sản xuất ở phân xưởng do liên quan đến nhiều đơn đặt hàng nên tổ chức theo dõi theo phân xưởng và cuối mỗi tháng mới tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp. Thực hiện tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng thì đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng cụ thể.

Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến hoàn thành đơn đặt hàng đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thoả thuận theo hợp đồng sản xuất.

Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa thực hiện xong thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng đến cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng.

1.7.8. Tính giá thành theo phương pháp phân bước.

Phương pháp này được áp dụng cho các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, chế biến kiểu liên tục qua nhiều giai đoạn, công nghệ chế biến kế tiếp nhau mới có được thành phẩm hoàn thành. Với các doanh nghiệp này thì bán thành phẩm ở giai đoạn trước thường là đối tượng được tiếp tục chế biến ở

giai đoạn sau và thường được tổ chức thành các phân xưởng tương ứng với các giai đoạn, bước công nghệ do vậy mà chi phí sản xuất thường được tập hợp riêng cho từng phân xưởng, giai đoạn công nghệ để tính ra giá thành bán thành phẩm. Sau đó mới tính được giá thành sản phẩm bằng cách kết chuyển tuần tự các chi phí của bán thành phẩm bước trước sang bước sau...cho tới bước cuối cùng.

Chính do sự khác nhau về đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành nên phương pháp phân bước lại có hai phương án sau:

**) Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước nhưng không tính giá thành bán thành phẩm* mà tính luôn giá thành hoàn chỉnh (còn gọi là phương pháp kết chuyển song song).

Theo phương pháp này chi phí sản xuất ở các giai đoạn được tập riêng theo từng khoản mục, sau đó tính toán kết chuyển để tính giá thành.

Đối tượng tính giá thành chỉ xác định là thành phẩm, không cần tính giá thành bán thành phẩm từng giai đoạn. Song để sản xuất sản phẩm ở giai đoạn cuối cùng thì vẫn phải cần có bán thành phẩm của các giai đoạn chuyển kế tiếp đến giai đoạn cuối cùng. Trong giá thành của thành phẩm sẽ chứa đựng chi phí sản xuất của tất cả các giai đoạn trong doanh nghiệp. Vì vậy, trong trường hợp này kế toán phải căn cứ vào chi phí sản xuất của giai đoạn đã tập hợp được để xác định phần chi phí của từng giai đoạn có giá thành của thành phẩm, sau đó tổng hợp lại và tính được giá thành sản phẩm.

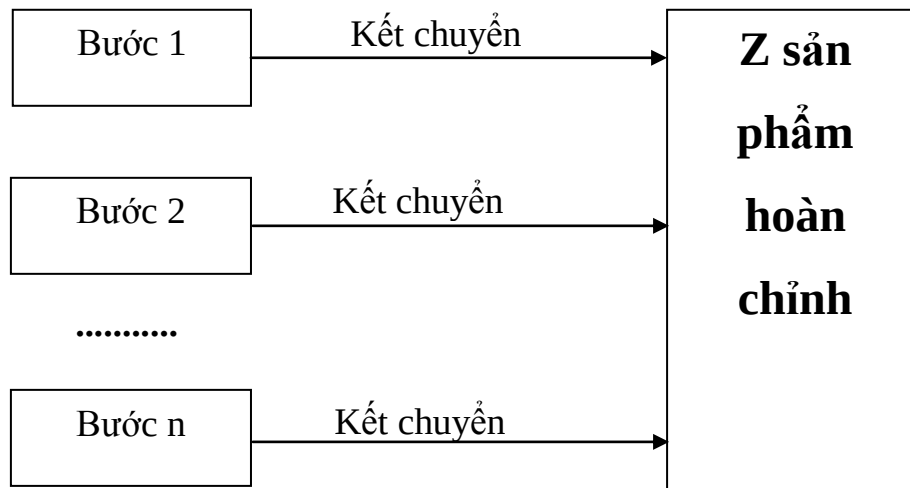
$$Z_{\text{hoàn chỉnh}} = \text{CPNVL}_{\text{trực tiếp}} + \text{CP}_{\text{chế biến bước 1}} + \text{CP}_{\text{chế biến bước 2}} \dots \text{CP}_{\text{chế biến bước n}}$$

Trong đó :

$Z_{\text{hoàn chỉnh}}$: Giá thành hoàn chỉnh

$\text{CPNVL}_{\text{trực tiếp}}$: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

$\text{CP}_{\text{chế biến bước}}$: Chi phí chế biến bước



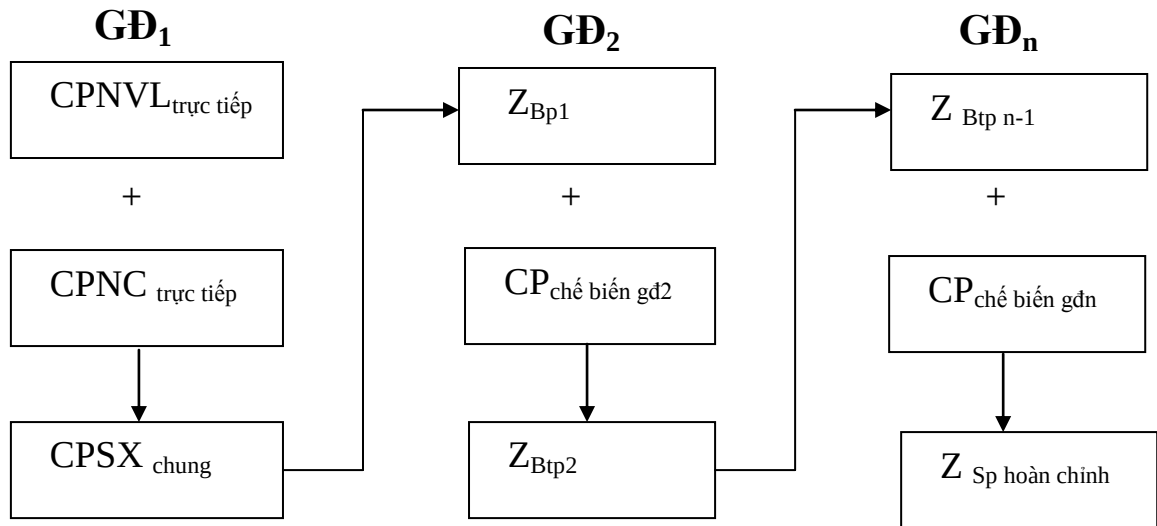
**) Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm* ở từng giai đoạn sản xuất trước khi tính giá thành hoàn chỉnh (gọi là phương pháp kết chuyển tuần tự).

Do đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ nên căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được mới chỉ có chi phí sản xuất của bản thân từng giai đoạn công nghệ. Song để sản xuất sản phẩm từ giai đoạn 2 trở đi lại phải nhận chi phí sản xuất của các giai đoạn trước chuyển sang (chi phí về bán thành phẩm). Vì vậy để tính được giá thành sản phẩm theo các đối tượng đã xác định thì:

- Trước hết, kế toán phải căn cứ vào chi phí sản xuất của giai đoạn đầu tiên để tính giá thành bán thành phẩm của giai đoạn 1.

- Sau đó, xác định chi phí sản xuất giai đoạn 1 chuyển sang cho giai đoạn sau, cũng với chi phí sản xuất của bản thân giai đoạn đó tổ chức tính giá thành bán thành phẩm của giai đoạn này, cứ kế tiếp liên tục như vậy cho đến giai đoạn cuối cùng sẽ tính được giá thành của thành phẩm.

- Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau có thể được thực hiện tuần tự từng khoản mục chi phí hoặc thực hiện tuần tự tổng hợp chung cho tất cả các khoản mục chi phí.



1.7.9. Tính giá thành theo phương pháp định mức.

Phương pháp này được áp dụng khi doanh nghiệp có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật toàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, đồng thời có hệ thống kế toán được thiết kế tương ứng có khả năng cung cấp và phân tích thông tin nhanh nhạy, đảm bảo được độ tin cậy cần thiết.

Công thức tính giá thành sản phẩm theo phương pháp này:

$$\text{Giá thành thực tế} = \text{Giá thành định mức} + \text{Chênh lệch do thay đổi định mức} + \text{Chênh lệch do thực hiện định mức}$$

Chênh lệch do thay đổi sẽ được xử lý vào đầu kỳ kế toán nên giá thành thực tế có sự khác biệt so với giá thành định mức là do việc thực hiện định mức trong kỳ kế toán.

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang :

SPDD đang là những sản phẩm chưa kết thúc giai đoạn chế biến, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được GTSP, doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành kiểm kê và đánh giá SPDD. Tùy theo đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và tính chất của sản phẩm mà doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp đánh giá SPDD sau:

1.8.1. Phương pháp đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính (Hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp).

***)Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính** thực tế sử dụng phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm.

Sản phẩm dở dang chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu chính, các chi phí khác được tính hết cho sản phẩm hoàn thành. Nguyên vật liệu chính được xuất dùng toàn bộ ngay từ đầu quá trình sản xuất và mức tiêu hao về nguyên vật liệu chính tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang là như nhau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí NVL chính} \\ \text{sử dụng trong kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm dở dang} \end{array}$$

***)Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp** (lấy trên tài khoản 621). Vận dụng phù hợp khi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong cấu thành giá thành sản phẩm. Các loại vật liệu được sử dụng chiếm đại bộ phận ngay từ giai đoạn đầu của quá trình sản xuất. Công thức tính toán cũng tương tự như khi đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính nhưng thay vào đó là chi phí nguyên vật liệu chính nhưng thay vào đó là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

1.8.2. Sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.

Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương với mức độ hoàn thành thực tế và gắn liền với tất cả các khoản mục cấu thành giá thành sản phẩm.

Trong chi phí sản xuất dở dang bao gồm đầy đủ các khoản chi phí, từng khoản mục được xác định trên cơ sở quy đổi. Sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành theo mức độ hoàn thành thực tế.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \\ \text{Số lượng SP hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ quy đổi thành sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng SP hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ quy đổi thành sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SP dở} \\ \text{dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{quy đổi} \end{array}$$

Trong đó:

Sản lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành	=	Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ	x	Tỷ lệ hoàn thành được xác định
--	---	---	---	--------------------------------------

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản xuất không quá lớn, khối lượng sản phẩm cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến

Phương pháp này tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo sản lượng ước tính tương đương nhưng có điểm khác là: Các chi phí chế biến(Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được giả định đã hoàn thành 50%.

1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

- Phương pháp này vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức.
- Đặc điểm của phương pháp này là chi phí nguyên vật trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện được và tỷ lệ hoàn thành. Nếu sản phẩm được chế tạo không phải qua các công đoạn có định mức tiêu hao được xác lập riêng biệt thì các khoản mục chi phí của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành và định mức từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm hoàn thành.

Công thức xác định:

$$\text{Dck} = \text{Cpđm} \times \text{Qdd} \times \text{H\%} \quad (\text{Cpđm: chi phí định mức})$$

- Ngoài giá thành định mức nêu trên, chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cũng có thể được xác định theo giá thành kế hoạch- trường hợp doanh nghiệp không xây dựng giá thành kế hoạch.

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm

Nội dung hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được tiến hành:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm, kỳ tính giá thành sản phẩm và kết cấu giá thành sản phẩm thích hợp với từng loại sản xuất.

- Tập hợp chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí.
- Tổng hợp chi phí đã tập hợp theo từng đối tượng tính giá thành.
- Tính tổng giá thành, giá thành đơn vị sản phẩm:

+) Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

+) Xác định tổng giá thành, giá thành đơn vị sản phẩm.

1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trong những doanh nghiệp này, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho: việc nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ... được theo dõi một cách thường xuyên trong sổ kế toán.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng chịu chi phí thì được tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Đối với các chi phí liên quan chung đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tách riêng được thì đến cuối kỳ kế toán phải tập hợp lại rồi tiến hành phân bổ cho từng đối tượng liên quan theo tiêu thức phù hợp.

Chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản:

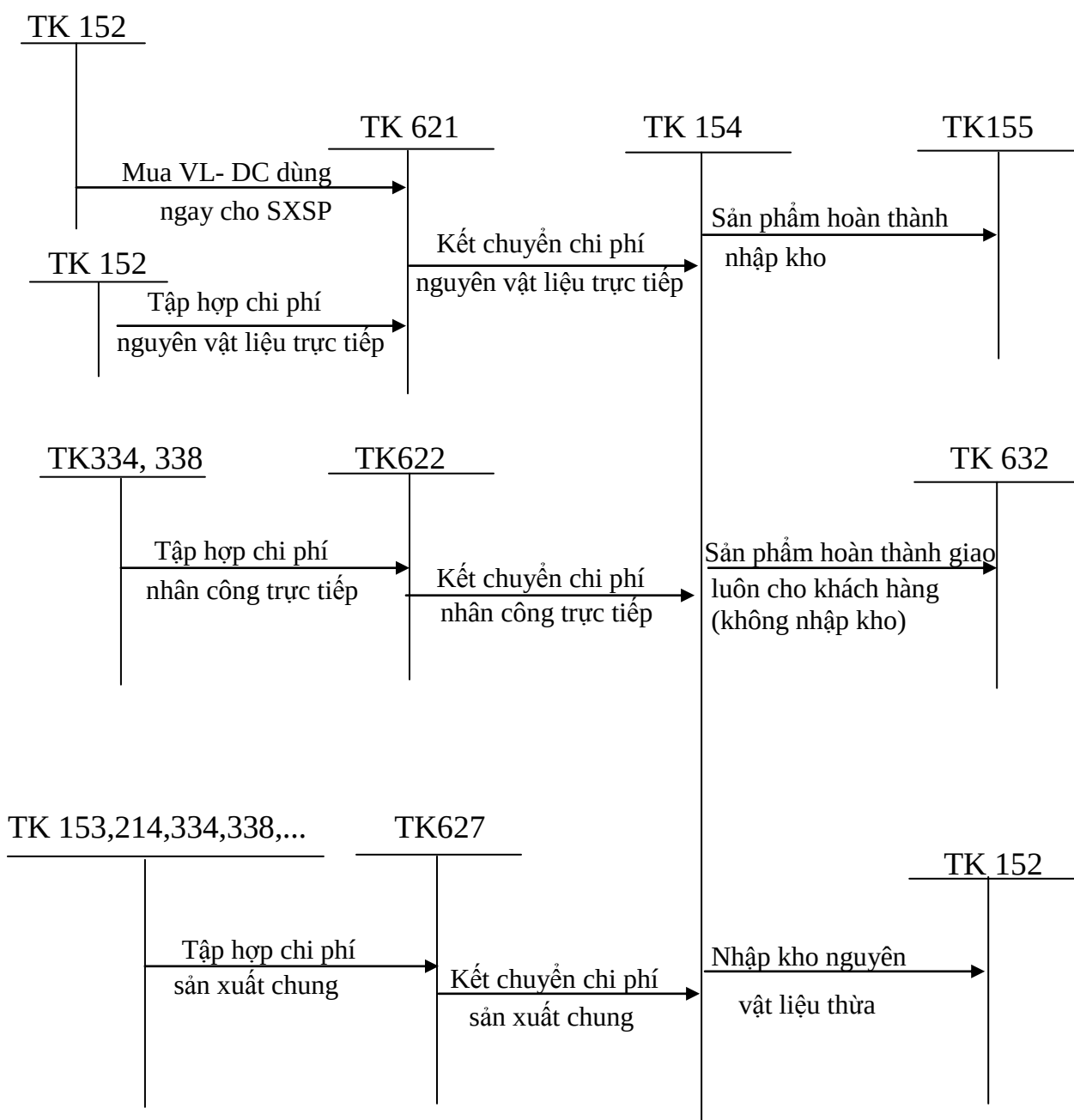
- TK 621 – " Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp"
- TK 622 – " Chi phí nhân công trực tiếp"
- TK627 – " Chi phí sản xuất chung"

Sau khi tập hợp và phân bổ các loại chi phí sản xuất, kế toán tiến hành tổng hợp lại để tính giá thành sản phẩm. Theo phương pháp kê khai thường xuyên, tài khoản 154 – " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang " được sử dụng để tổng hợp chi

phí sản xuất. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên được phản ánh qua sơ đồ sau:

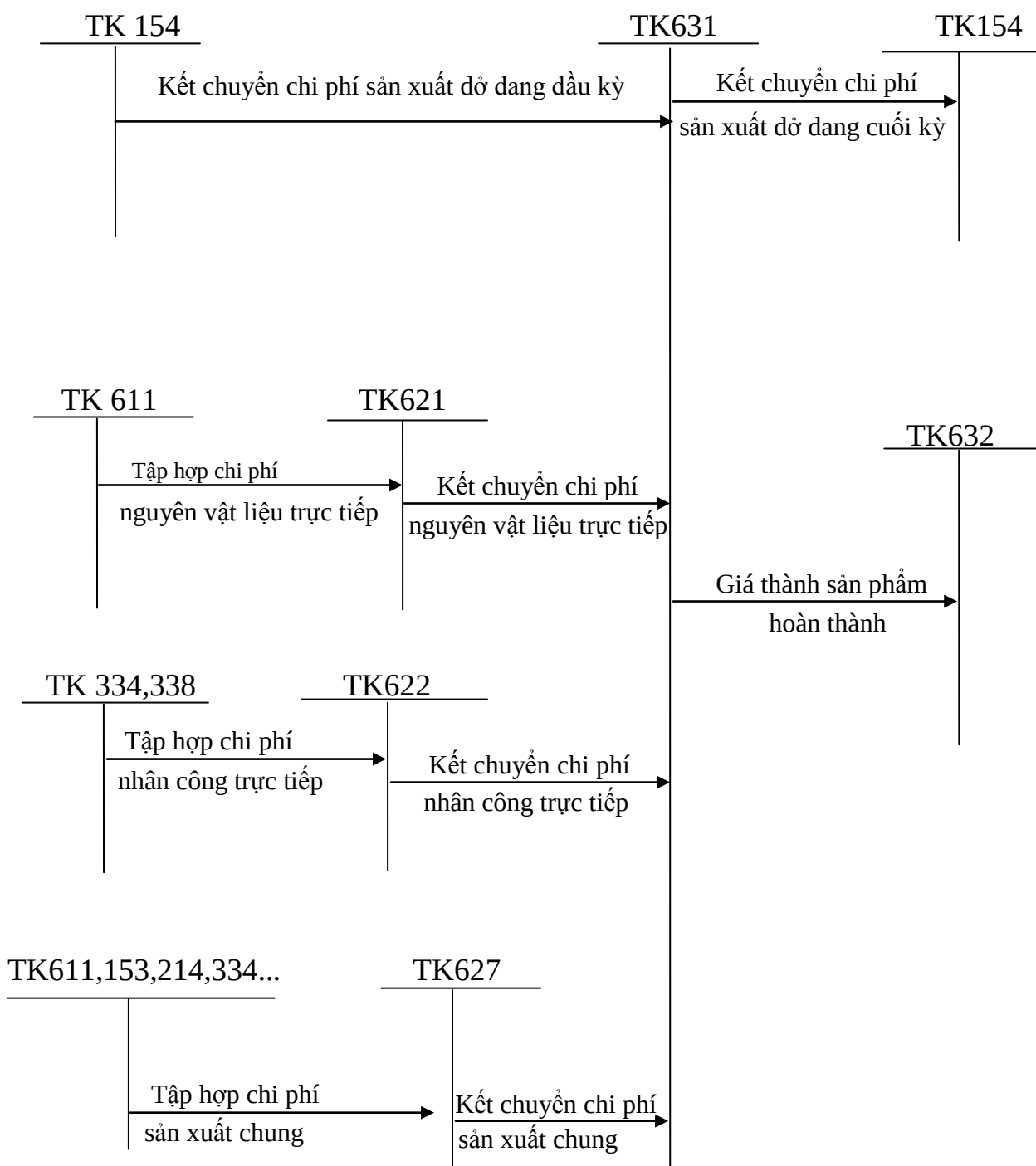
Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631 – Giá thành sản xuất.

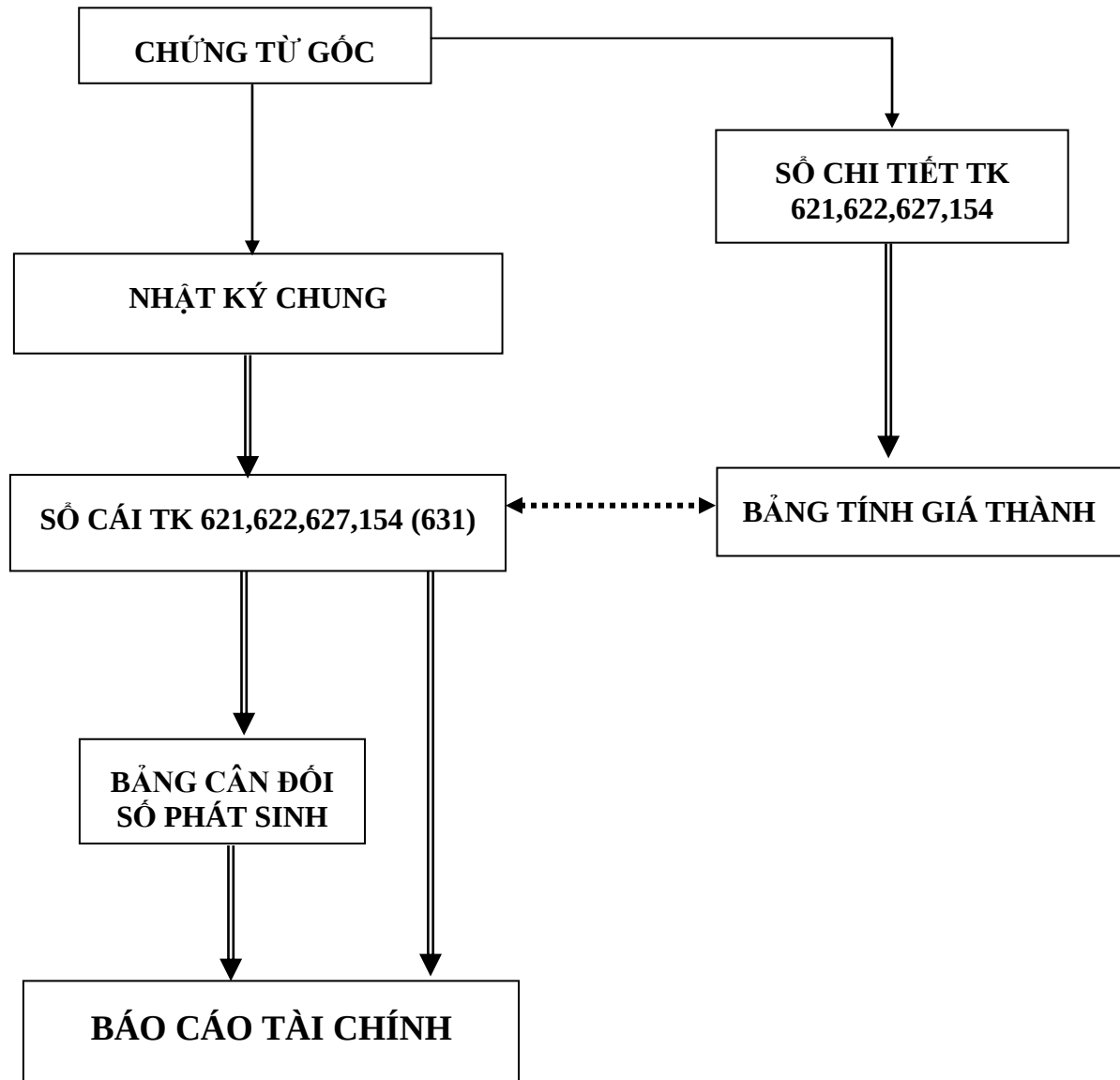
Sơ đồ 1.2: Kế toán tập hợp chi phí – giá thành trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.10. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.

1.10.1. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký chung:

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung.

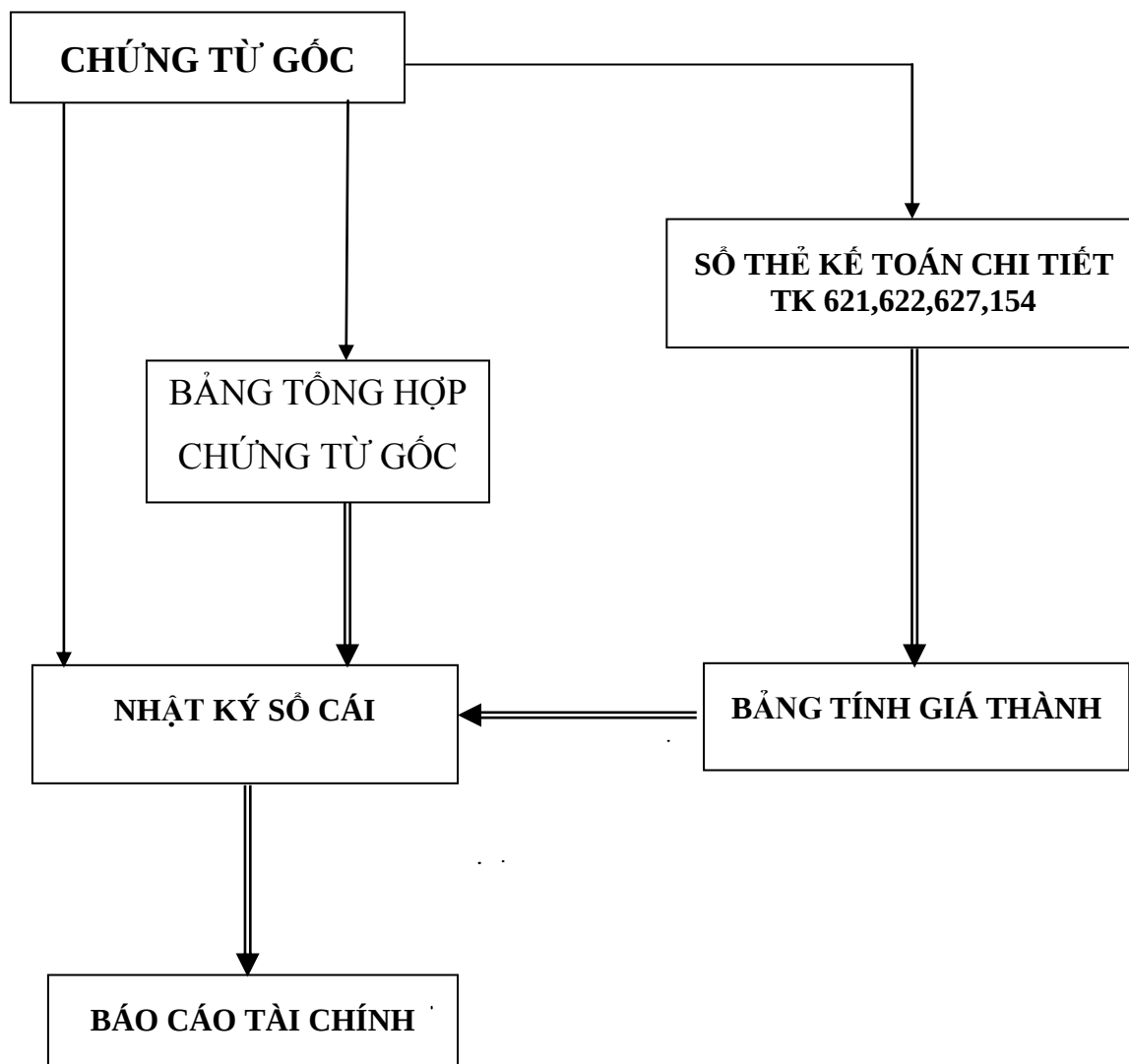


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối kỳ
- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra

1.10.2. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong kế toán chi phí sản xuất giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký – sổ cái.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.



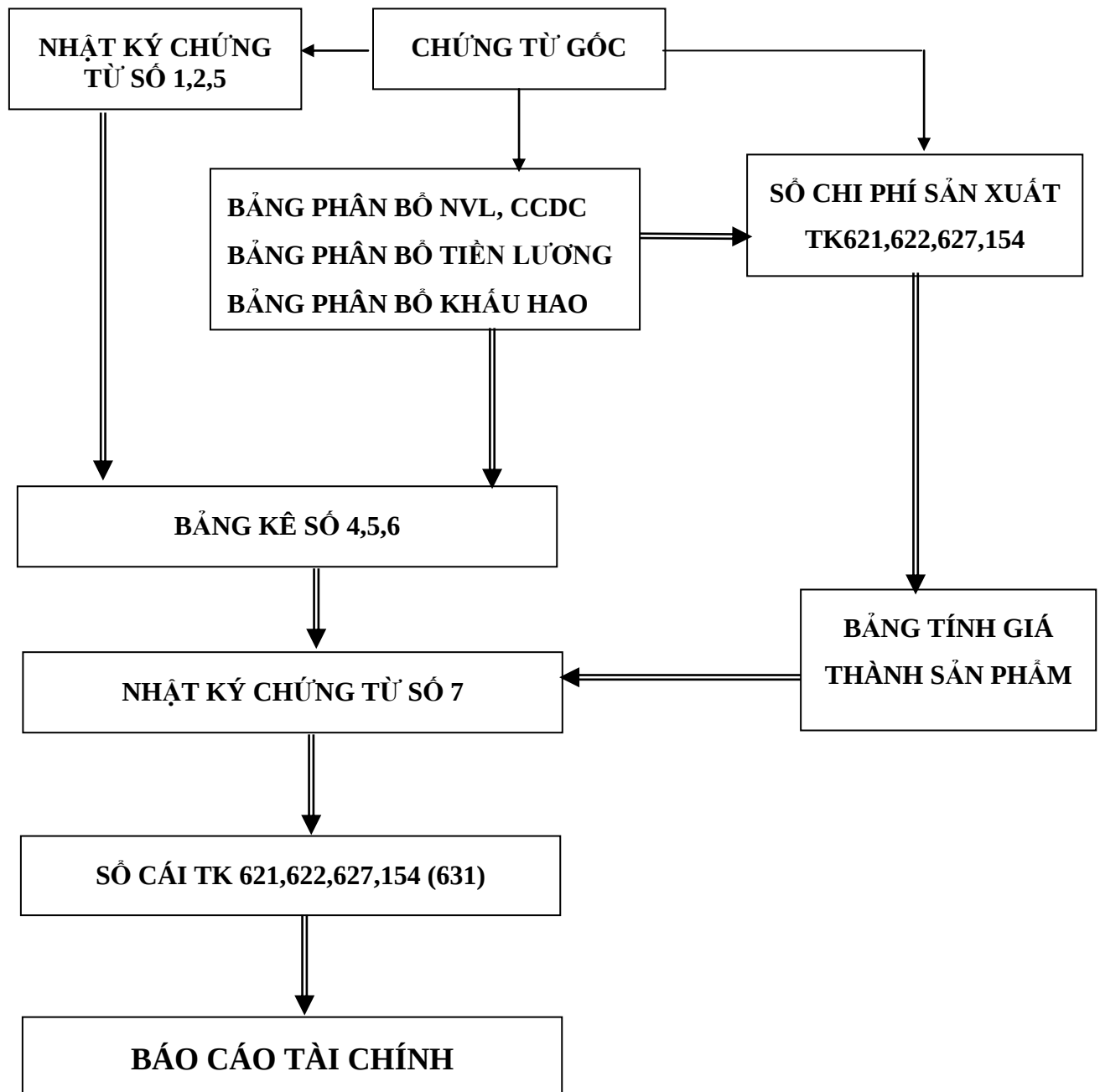
Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

1.10.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký – chứng từ.

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký – chứng từ.



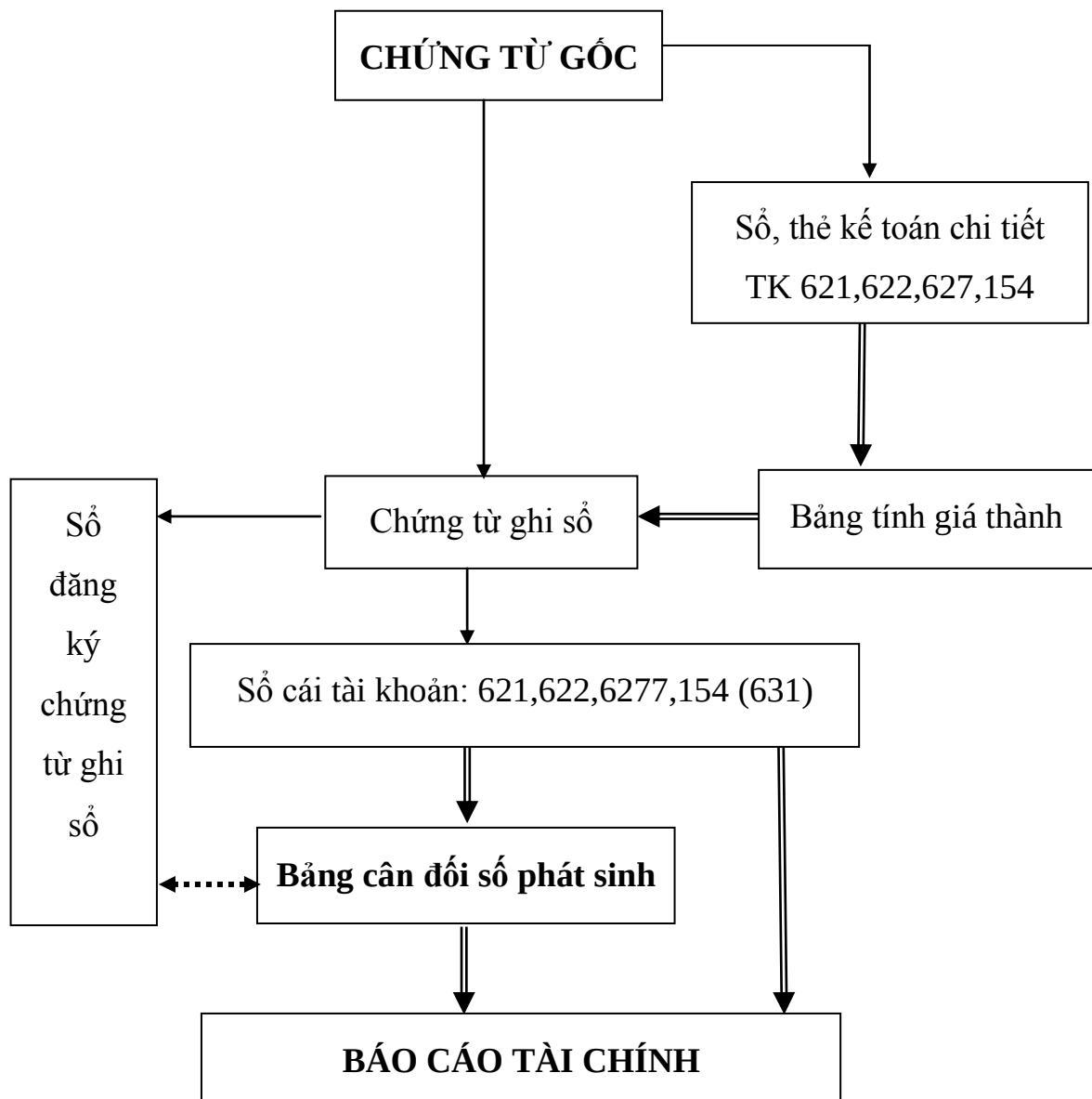
Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối kỳ

1.10.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

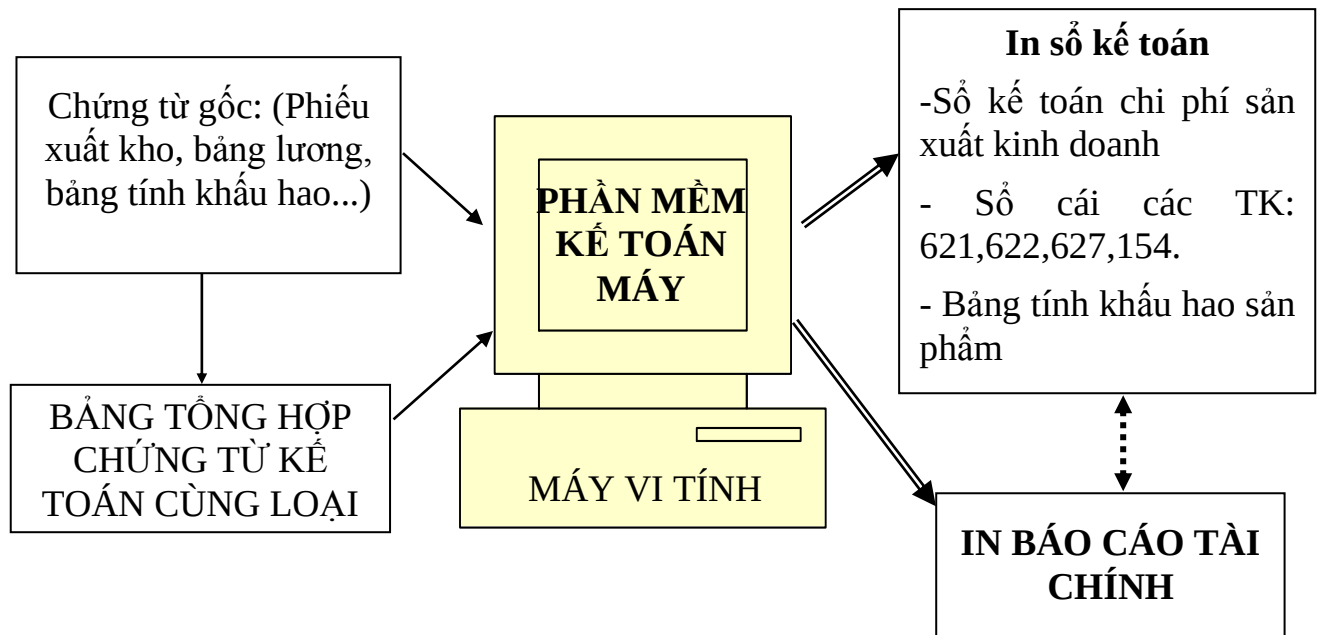


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====→ Ghi cuối kỳ
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

1.10.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách trong kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong các Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính:

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔.....↔ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG.

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Nhựa thiếu niên tiền phong.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong tiền thân là Nhà máy Nhựa Thiếu niên Tiền phong, được thành lập từ năm 1960 với quy mô gồm 4 phân xưởng chính: phân xưởng cơ khí, phân xưởng nhựa đúc (Phênol), phân xưởng nhựa trong (Polystyrol) và phân xưởng bóng bàn, đồ chơi. Ngày 19/5/1960, Nhà máy Nhựa Thiếu niên Tiền phong chính thức khánh thành đi vào hoạt động với nhiệm vụ chủ yếu: chuyên sản xuất các mặt hàng phục vụ thiếu niên nhi đồng.

Ngày 29/4/1993, Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp) ban hành Quyết định số 386/CN/TCLD về việc đổi tên Nhà máy Nhựa Thiếu niên Tiền phong. Theo đó, Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong trở thành một doanh nghiệp Nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam, được phép kinh doanh, sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo. Với mô hình tổ chức mới, chủ động đáp ứng nhu cầu thị trường, Công ty đã táo bạo từ bỏ hẳn mặt hàng truyền thống từng nổi tiếng một thời nhưng hiệu quả thấp để chuyển hẳn sang sản xuất ống nhựa PVC.

Ngày 17/8/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ban hành Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong thành Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong. Thực hiện chuyển đổi theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành đánh giá lại tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại lao động dôi dư, hợp lý hóa sản xuất đem lại những thay đổi về chất, tạo ra động lực mới cho phát triển nhanh và vững chắc trong tương lai.

Như vậy, mặc dù chính thức hoạt động theo quy mô công ty cổ phần từ ngày 30/12/2004 – theo giấy phép kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp – nhưng công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong đã có một bề dày lịch sử với trên 50 năm (1960 -2011) xây dựng và phát triển với vị trí luôn luôn là một trong những cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đầu về ngành nhựa trong cả nước, đóng góp vào sự phát triển nhanh, bền vững của thành phố Hải Phòng và đất nước.

Các thông tin cơ bản về Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong
- Tên Tiếng Anh: Tien phong plastic joint-stock company
- Tên viết tắt: Tifoplast
- Trụ sở: Số 2 An Đà – Phường Lạch Tray – Quận Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: (84-31)852073 Fax: (84-31)640133
- Địa chỉ Email: Tifoplast@hn.vnn.vn
- Website: <http://www.nhuatienphong-tifoplast.com.vn>
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/5/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:
 - + Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng;
 - + Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải.
- Thời hạn hoạt động của công ty: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Vốn điều lệ: 144.460.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm

Nắm bắt nhu cầu thị trường về các sản phẩm nhựa dân dụng và đặc biệt là các sản phẩm ống nhựa phục vụ nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, Công ty đã chủ động đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất, hiện đại hoá thiết bị, có chính sách đào tạo hợp lý giúp người lao động làm chủ công nghệ mới nhờ đó Công ty đã nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường, với cơ cấu sản phẩm khá đa dạng.

- Nhóm sản phẩm ống nhựa u.PVC, phụ tùng, keo dán và zoăng cao su phục vụ cho cấp thoát nước sinh hoạt, nông nghiệp, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, ống luồn cáp điện và ống phục vụ cho ngành bưu điện ... là sản phẩm chủ lực của công ty.

- Nhóm sản phẩm ống nhựa HDPE

Sản phẩm ống nhựa HDPE được sản xuất từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu của các hãng sản xuất nguyên liệu hàng đầu thế giới như BOROUGE, DEAH LIM... trên các thiết bị đại nhất của các nước Đức, Italy...

- Nhóm sản phẩm ống nhựa PPR

Năm 2004 Công ty là doanh nghiệp đầu tiên nhập dây chuyền sản xuất và bắt đầu đưa sản phẩm ống chịu nhiệt PPR vào thị trường. Hiện nay, việc ứng dụng vật liệu PPR trong dẫn nước nóng, lạnh được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới và dần được thay thế ống kèm bởi các tính ưu việt của sản phẩm.

- Nhóm sản phẩm phụ tùng u.PVC; HDPE và các sản phẩm khác

Để cung cấp sản phẩm một cách toàn diện và đồng bộ cho khách hàng, Công ty luôn đầu tư để trang bị khuôn mẫu chất lượng cao, cung cấp phụ tùng lắp ghép đầy đủ theo yêu cầu của người tiêu dùng. Sản phẩm phụ tùng của Công ty đa dạng về chủng loại, đẹp về mẫu mã và thuận tiện trong việc ghép nối.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần nhựa Thiều niên Tiên Phong được thể hiện qua bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2009	DVT: Triệu đồng Năm 2010	
		Năm 2010	% tăng giảm so với năm 2009
Doanh thu	1.494	1.954	460
Lợi nhuận HĐKD	350	374	24
Lợi nhuận sau thuế	303	320	17

2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm:

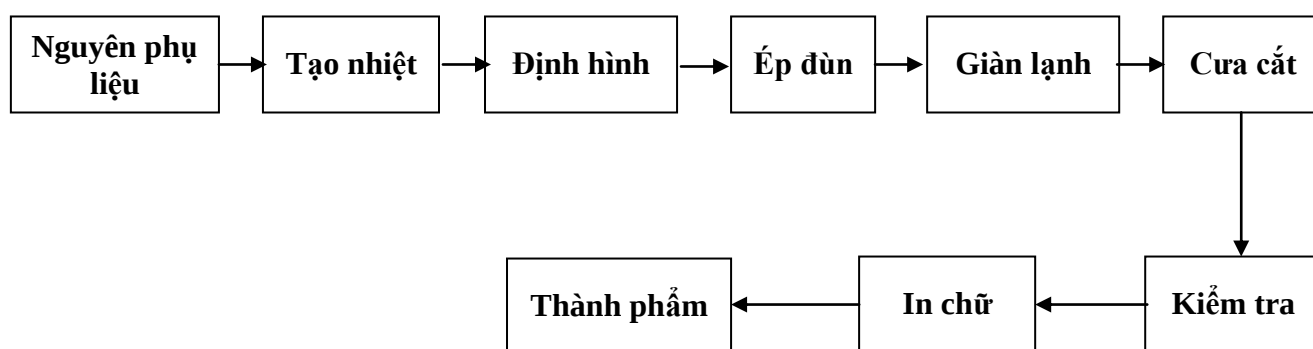
**) Đặc điểm quy trình công nghệ:*

- Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty là quy trình liên tục, khép kín từ khâu đầu đến khâu cuối cùng.
- Chu kỳ sản xuất ngắn, nguyên phụ liệu đưa vào từ đầu của mỗi quy trình công nghệ đến cuối là hoàn thiện thành nhập kho.
- Mỗi phân xưởng chỉ sản xuất một vài nhóm sản phẩm nhất định.

**) Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.*

- Phân xưởng chuyên sản xuất ống nhựa cứng PVC, PEHD, máng nhựa để luồn dây điện, tôn nhựa sóng

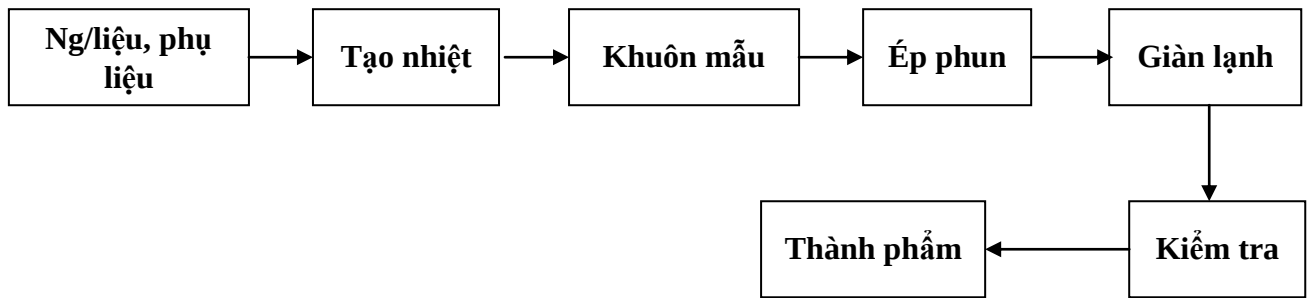
Biểu 2.1



Quy trình 1

- Phân xưởng chuyên sản xuất phụ tùng để lắp đặt ống nhựa như ống nối, góc, chữ T, cắt, keo dán

Biểu 2.2



Quy trình 2

***) Thuyết trình công nghệ**

Quy trình 1:

Đây là quy trình liên tục sản xuất ra sản phẩm có chiều dài như ống nhựa, tôn nhựa sóng do vậy nguyên, phụ liệu qua máy tạo nhiệt được máy định hình, máy ép đùn ra liên tục trong giàn lạnh. Tùy theo chiều dài của từng loại sản phẩm mà toàn bộ cura cắt thực hiện cho phù hợp với từng loại sản phẩm. Sản phẩm ống nhựa có chiều dài 4m/cây do vậy cứ đủ chiều dài 4m lại cura cắt. Sản phẩm tôn nhựa sóng có chiều dài 1,8m/ tấm nên cứ đủ chiều dài như vậy là cura cắt. Sản phẩm máng điện dùng để thi công công trình điện, luôn dây điện chiều dài máng là 4m.

Các sản phẩm khác như ống UNICEFF, ống lọc nước tùy thuộc vào kích thước theo đơn đặt hàng với khách hàng nên cứ đủ chiều dài là cắt.

Sau khi được cura cắt sản phẩm được chuyển sang kiểm tra chất lượng sản phẩm về các thông số độ dày, chiều dài và các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định đảm bảo sau đó chuyển sang bộ phận in chữ trong máy và hoàn thiện nhập kho thành phẩm.

Quy trình 2:

Sản phẩm của quy trình này là phụ tùng lắp đặt ống nhựa, sản phẩm của phân xưởng không có độ dài lớn mà sau khi nguyên liệu được qua máy tạo nhiệt nó được máy ép phun phun vào khuôn mẫu theo từng loại nhất định ví dụ khuôn mẫu sản xuất nút các loại, T các loại sau khi ép phun xong được chuyển sang giàn lạnh trên băng chuyền, không phải cura cắt như sản phẩm của phân xưởng 2. Sau

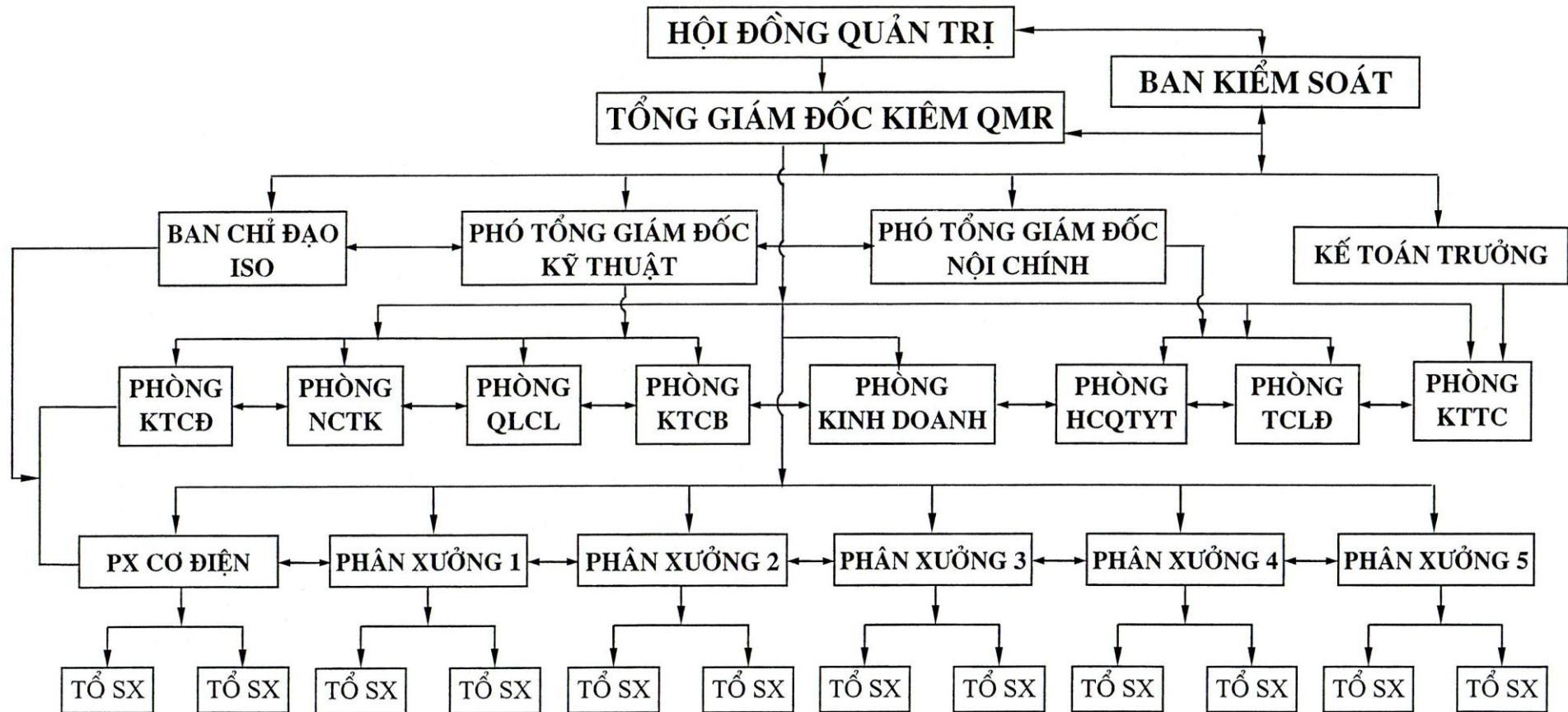
đó đem kiểm tra sửa chữa Pavia nhựa còn dính trên sản phẩm rồi nhập kho thành phẩm. Riêng khâu in của phân xưởng này được in ngay trên khuôn mẫu cho từng loại chữ và số của thành phẩm được in nổi ghi rõ kích thước, tên công ty vì vậy sản phẩm của quy trình này không phải qua công đoạn in chữ.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong được thể hiện qua sơ đồ sau:

Biểu 2.3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TNTP HẢI PHÒNG



→ Mối quan hệ quản lý và chỉ đạo
↔ Mối quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ nghiệp vụ

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát có từ 3 thành viên trở lên, trong đó có ít nhất 1 thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.

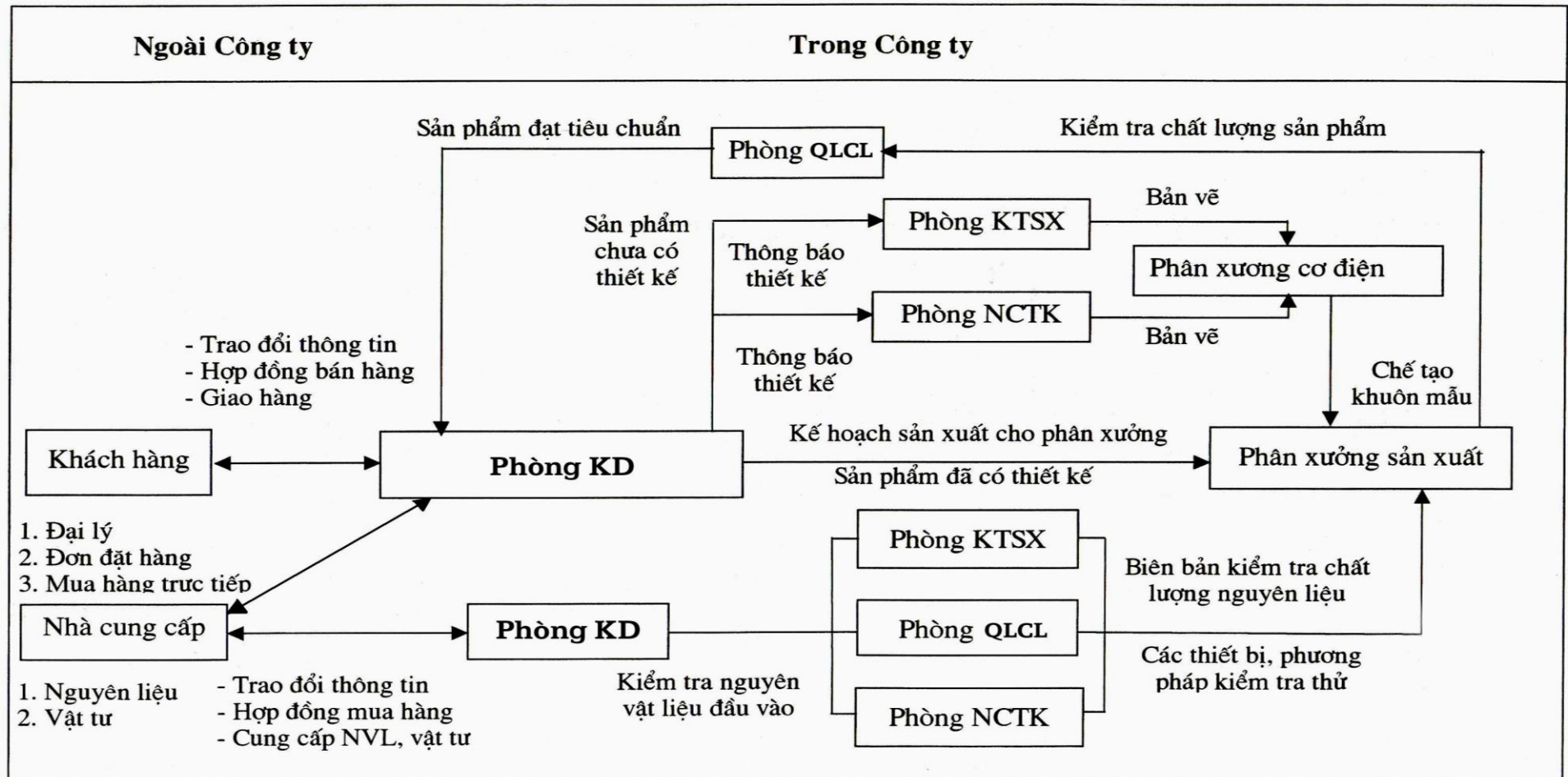
Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh và Kế toán trưởng. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, là đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh:

Biểu 2.4: Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

SƠ ĐỒ SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY NHỰA TN TIỀN PHONG



Phòng kế toán tài chính:

- Có chức năng tham mưu, giúp việc cho tổng giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán, đảm bảo phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Căn cứ pháp luật Nhà nước, điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế tài chính của công ty, phòng có chức năng tổ chức, hướng dẫn và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tài chính kinh tế của công ty.

- Chức năng kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của các đơn vị trực thuộc, đảm bảo chấp hành đúng quy chế tài chính của công ty và pháp lệnh kế toán thống kê.

Phòng kinh doanh:

- Có nhiệm vụ khai thác nguồn hàng, tham mưu ký kết hợp đồng tổ chức giao nhận thực hiện hợp đồng, xây dựng kế hoạch sản xuất, báo cáo thống kê, doanh thu hàng hoá quý và năm. Định hướng cho việc khai thác kinh doanh đầu tư phát triển sản xuất, thực hiện các yêu cầu quản lý do cấp trên quy định.

- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về tính pháp lý của hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp với phòng kế toán theo dõi chặt chẽ các khoản thu cước phí cũng như chi phí khác của doanh nghiệp. Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng – hàng quý – hàng năm.

Phòng hành chính quản trị Y tế:

Là bộ máy làm việc của Công ty thực hiện 3 chức năng chủ yếu:

- Tham mưu, tổ chức công việc cho lãnh đạo Công ty, thay mặt cho Công ty trong giao tiếp chung.

- Đề xuất, cải tạo, mua sắm, củng cố nội thất phòng ban, phân xưởng và các trang thiết bị văn phòng khác.

- Tham mưu và thực hiện công tác đời sống ở Công ty...

Phòng tổ chức lao động:

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy của Công ty, đề xuất các nội dung theo lĩnh vực được phân công.
- Đào tạo cán bộ cho nhu cầu hiện tại và chiến lược.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương ngắn hạn và dài hạn.
- Xây dựng định mức lao động tiền lương...

Phòng nghiên cứu thiết kế:

- Đề xuất với lãnh đạo công ty các dự án nghiên cứu sản phẩm và công nghệ mới; thông báo cho các đơn vị liên quan về phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng mới, biến động trong quá trình sản xuất, biện pháp khắc phục ngăn ngừa cần thiết...

Phòng kiến thiết cơ bản:

- Tư vấn cho Tổng giám đốc trong việc đầu tư xây dựng cơ bản lựa chọn đầu thầu xây dựng.
- Quản lý các hạng mục công trình hiện có của công ty.
- Đề xuất và chỉ đạo thực hiện giải pháp kỹ thuật các công trình mở rộng nhà xưởng sản xuất và các cơ sở hạ tầng...

Phòng quản lý chất lượng:

- Giúp Tổng giám đốc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất.
- Thông báo kết quả kiểm tra những sản phẩm không đạt cho các đơn vị có liên quan lập bảng mẫu thử...

Phòng kỹ thuật cơ điện:

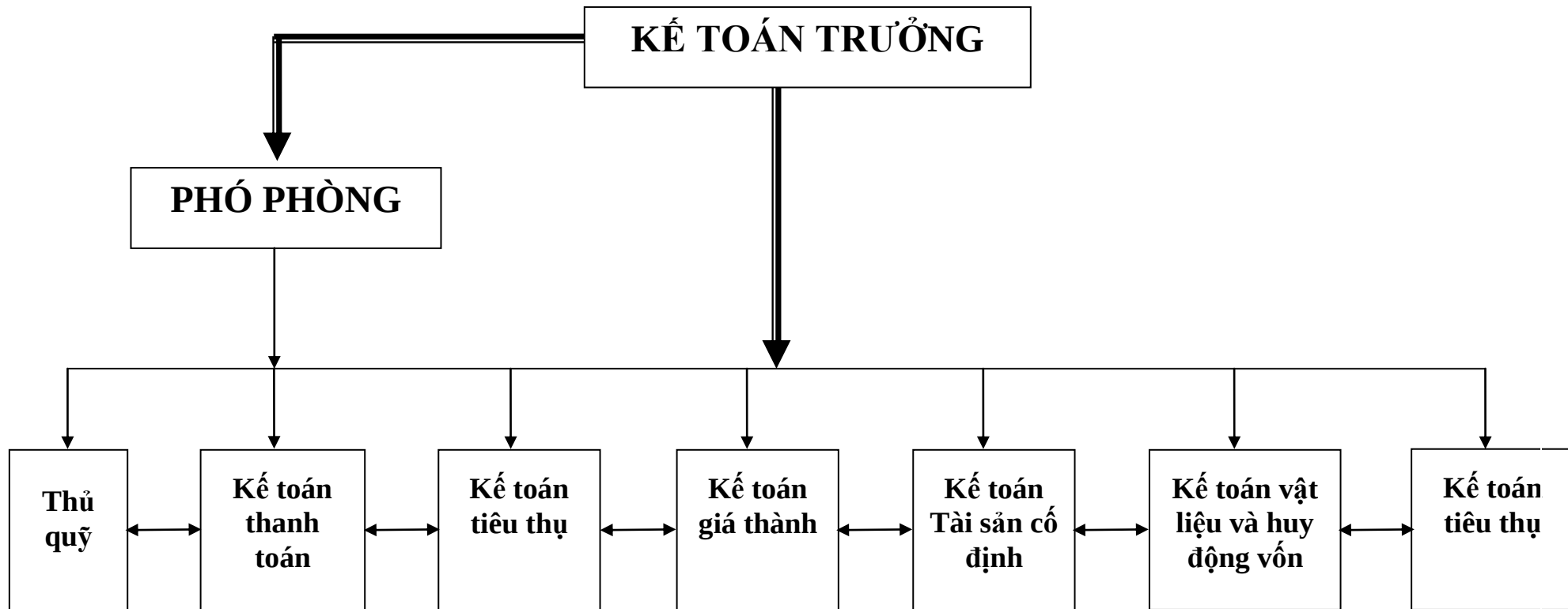
- Tư vấn cho Tổng giám đốc trong công việc đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ.
- Đề xuất chỉ đạo biện pháp kỹ thuật các công trình mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng quản lý các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm...

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán, hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Biểu 2.5:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



Trách nhiệm quyền hạn phòng kế toán tài chính:

Trưởng phòng:

- Tổ chức bộ máy phòng tài chính kế toán
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, hướng dẫn các kế toán viên thực hiện nhiệm vụ của mình
- Giám đốc đồng tiền, kiểm tra giám sát mọi hoạt động kinh tế của đơn vị
- Xây dựng kế toán tài chính, tham mưu cho Giám đốc về đường lối kinh doanh, sử dụng vốn có hiệu quả

Phó phòng:

- Kiểm tra các phần kế toán chi tiết, lập cân đối kế toán
- Tính và thanh toán tiền lương phân xưởng 4
- Lập báo cáo tài chính
- Hướng dẫn mọi người liên quan về các chế độ và quy định của Nhà nước

Thủ quỹ:

- Thu nhận và trả tiền tại quỹ theo các chứng từ thanh toán
- Hướng dẫn mọi người liên quan về các thủ tục nhận và trả tiền tại quỹ
- Chịu trách nhiệm trực tiếp về tính an toàn và đủ của các quỹ

Kế toán thanh toán:

- Kiểm tra và lập các chứng từ thu chi
- Theo dõi vay, thanh toán công nợ và tạm ứng
- Tính và thanh toán tiền lương khối văn phòng
- Hướng dẫn những người liên quan về các chứng từ thanh toán

Kế toán tiêu thụ:

- Theo dõi tính toán xuất, nhập, tồn kho, thành phẩm
- Hướng dẫn mọi người liên quan lập các chứng từ xuất nhập thành phẩm và các chứng từ khác liên quan đến công tác tiêu thụ
- Tính và thanh toán tiền lương phân xưởng 2

Kế toán giá thành:

- Tính toán giá thành sản phẩm

- Tổng hợp tiền lương
- Giúp kế toán trưởng xây dựng giá thành bán sản phẩm
- Hướng dẫn thống kê lập các báo cáo có liên quan đến giá thành sản phẩm

Kế toán tài sản cố định:

- Theo dõi tính toán việc xuất nhập tồn kho vật liệu
- Theo dõi công nợ đối với người cung cấp vật liệu và các dịch vụ cho đơn vị
- Theo dõi việc quản lý sử dụng Tài sản cố định và công cụ lao động
- Tính và thanh toán tiền lương phân xưởng cơ điện
- Hướng dẫn mọi người liên quan lập các chứng từ xuất nhập tồn kho và báo cáo sử dụng tài sản

Kế toán vật liệu và huy động vốn:

- Theo dõi tính toán việc xuất nhập tồn kho vật liệu
- Nhận và thanh toán các khoản huy động vốn
- Hướng dẫn mọi người liên quan lập các chứng từ xuất nhập vật liệu
- Tính và thanh toán tiền lương phân xưởng 1
- Hướng dẫn mọi người gửi tiền tiết kiệm về thủ tục và chế độ của đơn vị liên quan tới việc huy động vốn

Kế toán tiêu thụ:

- Theo dõi nhập kho thành phẩm và sử dụng thành phẩm cho công việc của đơn vị
- Theo dõi công nợ đối với khách hàng mua hàng
- Hướng dẫn mọi người liên quan lập các chứng từ liên quan
- Tính và thanh toán tiền lương phân xưởng 3

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty :

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về "chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam".

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ hạch toán: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp xác định giá nhập nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, tài sản cố định theo giá gốc, giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh.

- Phương pháp xác định giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

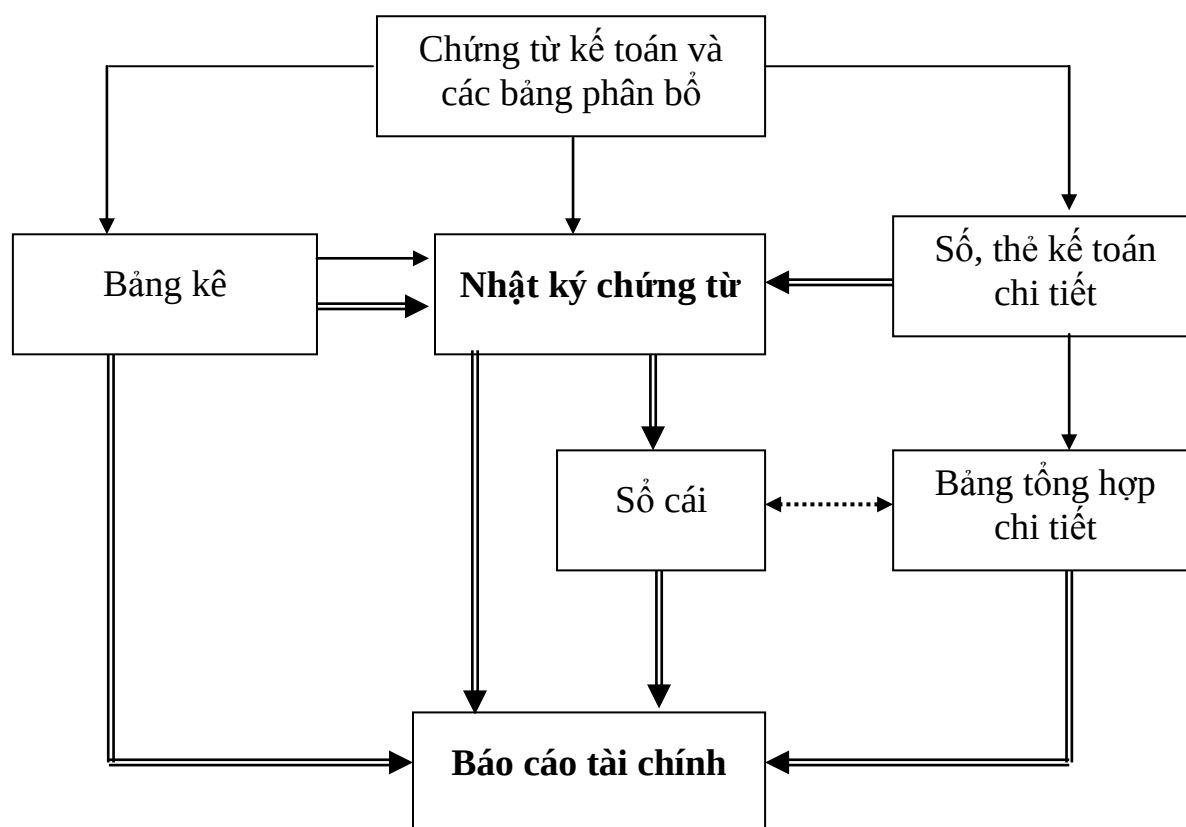
- Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Nguyên tắc tính khấu hao TSCĐ: Thực hiện theo tỷ lệ cố định (Đường thẳng) tất cả máy móc thiết bị khấu hao 3 - 5 năm; Nhà cửa vật kiến trúc 5 – 10 năm; Phương tiện vận tải 6 năm.

- Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính với phần mềm Quản trị – Tài chính – Kế toán BRAVO.

Công việc kế toán được thực hiện theo chương trình phần mềm được thiết kế và viết theo quy định của Bộ tài chính cùng với các chuẩn mực kế toán theo nguyên tắc của hình thức kế toán NHẬT KÍ – CHỨNG TỪ.

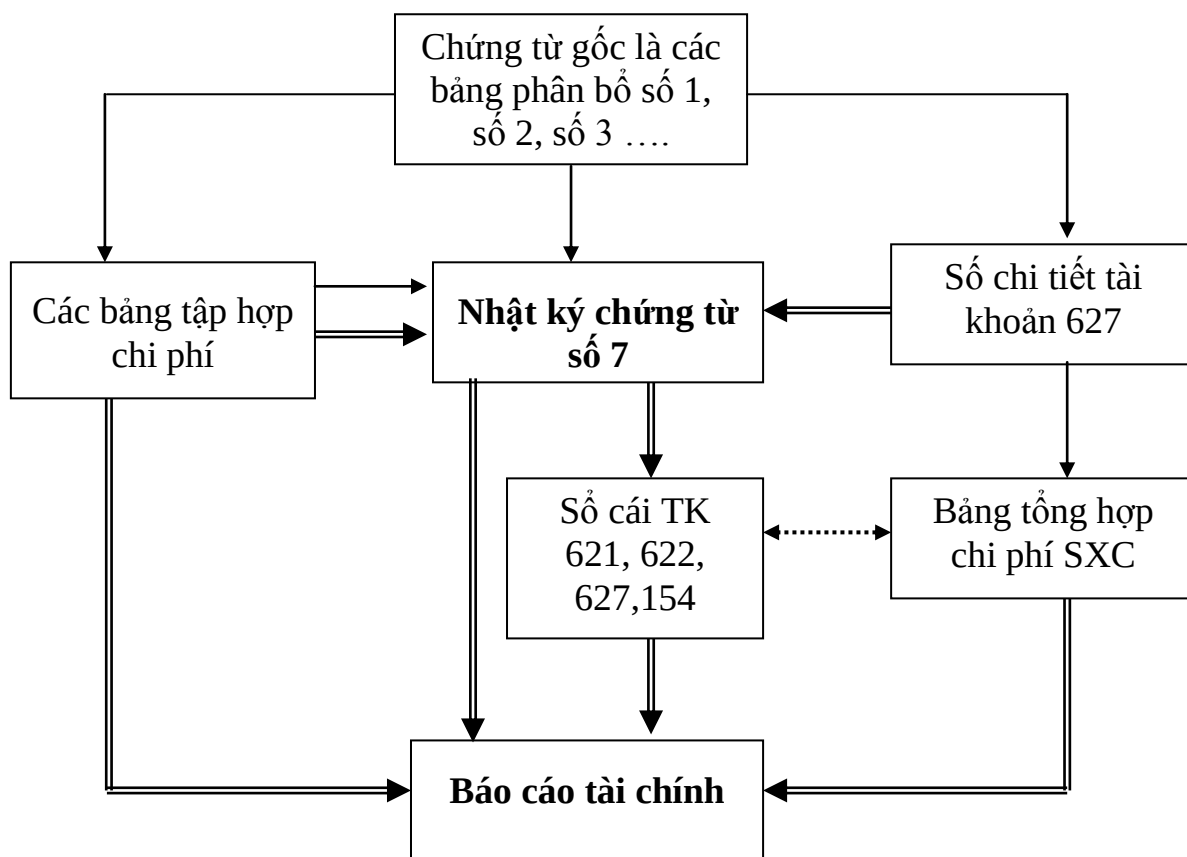
Biểu 2.6: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tháng hoặc quý
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

Biểu 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm trong công ty:



————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi hàng tháng hoặc quý

←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tại Công ty.

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.

- Nguyên vật liệu: là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được sản xuất ra.

Phân loại: Hiện tại trong công ty có sử dụng các loại vật liệu sau:

+ Vật liệu chính: Bột hạt nhựa (Bột PVC S, Bột PVC trộn ống, cao su tổng hợp, Hạt PE, Hạt PP, Hạt PPR...); Hóa chất (CaCO_3 , lưu huỳnh, Chì, Bột màu,); Phụ kiện đồng, Phụ kiện PE....

+ Vật liệu phụ: Gioăng, Bao gói, Phụ tùng để thay thế, sửa chữa các thiết bị, máy móc và một số vật liệu khác....

- Chi phí nhân công trực tiếp: Gồm chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương...

- Chi phí sản xuất chung: Gồm các khoản chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí chung khác.

2.2.1.2. Phân loại giá thành sản phẩm.

Công ty áp dụng Giá thành sản phẩm định mức và giá thành sản phẩm thực tế cụ thể là:

- Giá thành sản phẩm định mức: Giá thành sản phẩm định mức là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho một đơn vị sản phẩm.

- Giá thành sản phẩm thực tế: Là toàn bộ chi phí thực tế bỏ ra để tiến hành sản xuất một loại sản phẩm kể từ khi bắt đầu sản xuất cho tới khi kết thúc hoàn thành.

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm:

2.2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên và đặc biệt quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, sản phẩm của Công ty là các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp và giao thông vận tải. Vì vậy đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong là tất cả chi phí phát sinh được tập hợp trong các phân xưởng, và trong các phân xưởng lại chi tiết theo từng loại sản phẩm.

*** Các TK được sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất:** Công ty sử dụng các tài khoản kế toán sau:

- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung.
- TK 154: Chi phí SXKD dở dang. TK này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí (Phân xưởng, sản phẩm)

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan: TK334, TK 338, TK 111, TK 214,...

2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành.

Đối tượng tính giá thành của công ty chính là số lượng thành phẩm (chủ yếu là các loại ống nhựa (mét)) mỗi loại sản xuất ra trong kỳ.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm:

2.2.3.1. Kỳ tính giá thành:

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành.

Kỳ tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong là tháng.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm:

Do đặc điểm loại hình sản xuất của công ty có chu kỳ ngắn, sản xuất đơn chiếc nên công ty áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

2.2.4.1. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Nguyên vật liệu trực tiếp là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm. Việc hạch toán chính xác và đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có tầm quan trọng trong việc xác định giá thành sản phẩm vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty.

Tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong, kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tiến hành cụ thể như sau:

Để phù hợp với nhiệm vụ sản xuất và theo hướng dẫn của hệ thống kế toán, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm: nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, bán thành phẩm và các vật liệu khác tham gia trực tiếp vào chế tạo sản phẩm như: hạt PRHD đen, bột PVC, hạt PVC_LOTUS, hạt PVC ống cứng, phụ liệu PVC nong hàn, phụ liệu PVC ống cứng

Nguyên tắc sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp cho sản xuất là xuất phát từ kế hoạch sản xuất trong tháng và định mức sử dụng nguyên vật liệu do bộ phận kỹ thuật tính toán và xây dựng cho từng loại nguyên vật liệu. Kế hoạch sản xuất được lập từ tháng trước dựa vào các hợp đồng cung cấp và số lượng tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Hàng tháng căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất giao cho các phân xưởng, ứng với nhiệm vụ đó các phân xưởng được kèm theo bảng định mức vật tư và trực tiếp lên phòng kế hoạch viết phiếu sau đó bộ phận vật tư có nhiệm vụ cấp phát. Tại kho, căn cứ vào phiếu xuất kho Thủ kho cho xuất nguyên vật liệu và tập hợp lên thẻ kho, hàng ngày kế toán nguyên vật liệu tập hợp chứng từ và đối chiếu với thẻ kho.

Việc hạch toán xuất kho nguyên vật liệu kế toán tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của NVL} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \\ \text{Số lượng thực tế} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng nhập trong kỳ} \\ \text{Số lượng thực tế} \\ \text{hàng nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \\ \text{Số lượng thực tế} \\ \text{hàng nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Do vậy mà giá trị thực tế nguyên vật liệu xuất kho sẽ là:

$$\text{Giá trị thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá thực tế} \times \text{Số lượng xuất}$$

Thực tế tại công ty:

Tháng 12/2010 công ty sử dụng giá thực tế cho NVL trực tiếp như sau: Xuất kho vật liệu với số lượng 3.205.436 Kg bột PVC trộn ống_(1BPT) với đơn giá là 19.526đ/kg

Vậy giá trị thực tế vật liệu xuất kho là = 3.205.436 x 19.526 = 62.589.543.296đ

Số liệu này sẽ được ghi vào bảng kê xuất kho theo tài khoản để theo dõi và tập hợp vào sổ chi tiết TK621 của từng phân xưởng. Để tập hợp chi phí NVL trực tiếp công ty sử dụng tài khoản 621, tài khoản này được mở chi tiết thành các tài khoản cấp hai như sau:

TK 6211: chi phí NVL trực tiếp_PX1

TK 6212: chi phí NVL trực tiếp_PX2

TK 6213: chi phí NVL trực tiếp_PX3

TK 6214: chi phí NVL trực tiếp_PX4

Trong các tài khoản cấp hai đó lại chia thành các tài khoản nhỏ để quản lý chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng loại sản phẩm, chẳng hạn như: TK6211O chi phí nguyên vật liệu trực tiếp – PX1-ống PVC, TK6212P chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - PX2-ống PE ...

Tại công ty, khi xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất thì đầu vào là cùng một loại nguyên vật liệu nhưng đầu ra có thể là nhiều loại sản phẩm ống có kích thước, kích cỡ khác nhau. Do vậy, sau khi tính toán được giá trị thực tế nguyên vật

liệu trực tiếp cho từng phân xưởng thì kế toán tiến hành phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng loại sản phẩm như sau:

$$\text{Chi phí NVL trực tiếp SP}_i = \frac{\sum \text{giá trị NVL trực tiếp nhóm SP}}{\sum (\text{Đm}_i \times \text{SL}_i)} \times (\text{Đm}_i \times \text{SL}_i)$$

Trong đó:

- SL_i là số lượng của sản phẩm i (ĐVT: mét)
- Đm_i là định mức tiêu hao nguyên vật liệu của SP_i (ĐVT: gram/mét).

Công việc tính toán phân bổ kế toán không phải làm trực tiếp, mà tất cả công việc đó do máy tính tự động tính toán một cách chính xác và phân bổ đúng cho từng sản phẩm chịu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Nhân viên kế toán chỉ cần thao tác máy, đưa các số liệu đầu vào như: giá trị thực tế nguyên vật liệu, định mức tiêu hao (gramVL/m), số lượng sản phẩm ... để có kết quả đầu ra.

Phân bổ chi phí cho ống lọc PVC class 0 ĐK 60, Tháng 12/2010 tại thực tế tại công ty :

- Tổng giá trị thực tế xuất kho NVL là : 202.483.285.463đ
- Tổng định mức tiêu hao NVL là: 10.492.588.495gr
- Định mức tiêu hao cho 1m ống lọc PVC class 0 ĐK 60 là: 438gr/m
- Số lượng thành phẩm nhập trong tháng là 39.642m

$$\begin{aligned} &= \frac{202.483.285.463}{10.492.588.495} \times 438\text{gr/m} \times 39.624\text{m} \\ &= 334.918.366 \end{aligned}$$

Cuối tháng kế toán căn cứ vào các chứng từ là các phiếu xuất kho nguyên vật liệu, và sổ theo dõi chi tiết nguyên vật liệu để tính toán ra giá trị và số lượng nguyên vật liệu đã dùng để trực tiếp tạo ra sản phẩm và tập hợp ra giá trị và số lượng nguyên vật liệu đã dùng để trực tiếp tạo ra sản phẩm và tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho các phân xưởng, phân bổ cho từng sản phẩm rồi sau đó kết chuyển sang TK154 của từng phân xưởng để tập hợp chi phí.

Cụ thể tại công ty ngày 30/12/2010 phát sinh nghiệp vụ xuất kho:

Biểu 2.8:

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Bộ phận sử dụng : PX 1 - Đ/C Hải

Lý do xuất: sản xuất sản phẩm

Xuất tại kho: công ty

STT	Mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hạt PVC ống cứng	Kg	280.000		
2	Bột PVC trộn ống	Kg	200.000		
3	Bột PVC S	Kg	350.000		
Tổng cộng					0
					0

Lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhập
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Từ các phiếu xuất kho kế toán tập hợp vào bảng tổng hợp nhập – xuất tồn và bảng phân bổ vật liệu, dụng cụ.

Biểu 2.9: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2, An Đà, Ngõ Quyền, Hải Phòng

TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Tháng 12 năm 2010

Kho: Kho Vật tư Công ty (VT)

Mã số	Mặt hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập		Xuất		Cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1521BH	Bột nhựa hạt		7.918.436	164.384.213.910	7.433.242	164.229.314.312	8.708.192	184.309.206.872	66.343.486	144.304.321.350
BPS	Bột PVC S	kg	6.096.950	115.984.872.402	1.927.842	39.597.080.044	3.373.317	65.400.734.171	4.651.475	90.181.218.275
BPT	Bột PVC trộn ống				3.205.436	62.589.543.296	3.205.436	62.589.543.296		
HPP	Hạt PP		10.321	345.643.286	10.000	370.000.000	8.200	288.767.479	12.121	426.875.807
....			...	...						
1521HC	Hóa chất		288.269	11.060.917.629	420.900	11.577.941.602	413.310	10.349.926.600	277.859	12.288.932.631
AT3	Alube - AT3		1.975	123.061.245			925	57.636.279	1.050	65.424.966
BMD	Bột màu đen		5.875	282.016.738			775	37.202.208	5.100	244.814.528
...										
1521PD	Phụ kiện đồng		1.472.106	22.102.807.323	57.578	587.404.259	267.854	3.626.930.026	1.261.830	19.63.281.556
BDRT21	Bạc ren đồng		19.560	64.550.079	3.991	13.170.124	10.078	33.258.471	13.473	44.462.332
BDRT27	Bạc ren đồng DK27		219.263	1.229.381.289	620	3.476.316	23.317	130.174.934	196.666	1.102.682.671
...										
152PE	Phụ kiện PE		84	32.519.282	1.140	336.158.385	1.056	368.677.667		
BT160	Bích thép ĐK160		10	2.200.000			10	2.200.000		
BT280	Bích thép ĐK260		6	2.328.000			6	2.328.000		
.....										
	Tổng cộng		9.678.727	197.580.458.144	7.912.860	176.730.818.558	9.408.412	189.654.741.165	8.183.175	175.656.535.537

Biểu 2.10:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Tháng 12 năm 2010

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG (GHI NỢ CÁC TÀI KHOẢN)		1521	1522	1523	1524	1525	1531	1532	TỔNG CỘNG
138	Phải thu khác						1.070.123		1.070.123
154	Chi phí SXKD dở dang	8.994.447.814	749.287	75.000	11.018.443	68.579.046	40.284.778	39.278.772	9.154.433.140
621	Chi phí NVL trực tiếp	185.524.582.619	129.731.880					816.462.628	186.470.777.127
6211	Chi phí NVL TT - PX1	42.786.328.619							42.786.328.619
6212	Chi phí NVL TT - PX2	51.983.459.458							51.983.459.458
6213	Chi phí NVL TT - PX3	26.768.937.856							26.768.937.856
6214	Chi phí NVL TT - PX4	49.927.297.389	129.731.880					816.462.628	50.873.491.897
6215	Chi phí NVL TT - PX5	14.058.559.297							14.058.559.297
627	Chi phí sản xuất chung	53.571.502	248.513.051	57.008.026	2.200.857.427	11.463.123	674.485.198		3.383.366.000
632	Giá vốn hàng bán	1.238.396.094		67.336	1.943.830	132.067	11.065.163		1.250.510.875
641	Chi phí bán hàng						316.000.000	912.831.381	1.228.831.381
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.317	7.630.301	60.000	2.141.896	271.815	143.353.415	13.003.852	179.369.468
	Tổng cộng	195.811.033.346	386.624.519	98.749.551	2.216.753.596	80.446.051	2.108.101.767	1.781.576.633	202.483.285.463

Ngày tháng..... năm.....

Cuối kỳ kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp qua Bảng tập hợp chi phí 621

Biểu 2.11:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIÊN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

TẬP HỢP CHI PHÍ 621

Tháng 12 năm 2010

TK	Diễn giải	Nợ TK 621, Có TK khác			Tổng cộng
		1521	1522	1532	
6211O	Chi phí NVL trực tiếp - PX1-ống	42786328619			42.786.328.619
6212M	Chi phí NVL trực tiếp - PX2-phụ	1843498406			1.843.498.406
6212O	Chi phí NVL trực tiếp - PX2-ống	25874766686			25.874.766.686
6212T	Chi phí NVL trực tiếp - PX2-trộn	23237030551			23.237.030.551
.....					
6214H	Chi phí NVL trực tiếp-PX4-Phụ	960553299	58.664.094		1.019.217.393
6214K	Chi phí NVL trực tiếp-PX4-keo	2166300653		816.462.628	2.982.763.281
.....					
	Tổng	185524582619	129.731.880	816.462.628	186.470.777.127

Ngày.....thángnăm.....

Người lập biểu

Kế toán trưởng

2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

***) Cách tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

Tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: Tiền lương chính, tiền lương phụ và các khoản trích theo lương của lao động trực tiếp làm ra sản phẩm. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm cho công nhân trực tiếp sản xuất tạo ra sản phẩm.

Tiền lương chính là bộ phận tiền lương trả cho công nhân trong thời gian thực tế có làm việc bao gồm cả tiền lương theo sản phẩm, tiền thưởng và các khoản phụ cấp có tính chất lương (ăn ca, độc hại). Ngược lại tiền lương phụ là bộ phận tiền lương trả cho công nhân trong thời gian thực tế không làm việc nhưng được hưởng theo chế độ quy định như nghỉ phép, hội họp, học tập, lễ tết, ngừng sản xuất ...

Tiền lương sản phẩm = Số lượng SP nhập kho x Đơn giá lương sản phẩm

Số lượng sản phẩm nhập kho phải có phiếu nhập và có xác nhận đạt chất lượng của phòng kỹ thuật cấp.

Đơn giá lương sản phẩm do phòng kế hoạch xây dựng trên cơ sở bản vẽ thiết kế và quy trình công nghệ.

Tại công ty:

Đơn giá tiền lương sản phẩm của ống PVC class 0 ĐK 60 là 51đ/m

- Các khoản trích theo lương

Hiện nay công ty đang thực hiện trích các khoản trích theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Các khoản trích theo lương công ty được phép tính vào chi phí sản xuất bao gồm:

- KPCĐ: 2% trong đó doanh nghiệp tính cả vào chi phí.
- BHYT: 4,5% trong đó doanh nghiệp tính vào chi phí 3% và 1,5% trừ vào lương của người lao động.
- BHXH: 22% trong đó doanh nghiệp tính vào chi phí 16% và 6% trừ vào lương của người lao động.

- BHTN: 2% trong đó doanh nghiệp tính vào chi phí 1% và 1% trừ vào lương của người lao động.

Kế toán sử dụng TK 622 để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, TK 622 được chia thành TK cấp hai như sau:

- TK 6221: Chi phí nhân công trực tiếp phân xưởng 1
- TK 6222: Chi phí nhân công trực tiếp phân xưởng 2
- TK 6223: Chi phí nhân công trực tiếp phân xưởng 3
- TK 6224: Chi phí nhân công trực tiếp phân xưởng 4
- TK 6225: Chi phí nhân công trực tiếp phân xưởng 5

****) Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp vào giá thành sản phẩm***

Sau khi tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất cho từng phân xưởng, kế toán tiến hành phân bổ chi phí nhân công trực tiếp sản xuất cho từng loại sản phẩm.

Cách phân bổ hiện nay áp dụng tại công ty là phân bổ gián tiếp, tiêu thức phân bổ này được phân theo định mức tiền lương sản phẩm đã sản xuất ra trong kỳ.

Công thức áp dụng:

$$\text{Chi phí NCTT SP}_i = \frac{\sum \text{tiền lương thực tế của PX}}{\sum \text{lương định mức của PX}} \times \frac{\text{Tổng SP}_i}{\text{SP}_i} \times \text{Đm}_i$$

Tính lương cho 39.624m ống lọc PVC class 0 ĐK 60 là:

- Tổng tiền lương thực tế của PX1 là 3.024.420.000đ
- Tổng lương định mức của PX 1 là: 338.462.000
- Định mức tiền lương: 51đ/m

$$\begin{aligned} &= \frac{3.024.420.000}{338.462.000} \times 39.624 \times 51 \\ &= 18.057.626 \end{aligned}$$

Tương tự các sản phẩm khác của các phân xưởng cũng được phân bổ theo công thức trên và chi phí tiền lương được phân bổ, thể hiện qua Bảng phân bổ tiền lương.

Biểu 2.12

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản		Lương(334)	BHXX	BHYT	KPCĐ	BHTN
1111	Tiền mặt VNĐ	6.000.000	15.974.068			
154	Chi phí SXKD dở dang	1.223.731.887	20.782.224	3.896.667	24.474.638	1.298.889
6221	Chi phí nhân công trực tiếp - PX1	3.024.420.000				
6222	Chi phí nhân công trực tiếp - PX2	2.317.971.700				
6223	Chi phí nhân công trực tiếp - PX3	2.275.501.100				
6224	Chi phí nhân công trực tiếp - PX4	3.061.578.938				
6225	Chi phí nhân công trực tiếp - PX5	973.008.300				
62711	Chi phí chung: Nhân viên - PX1	681.073.800	48.850.432	9.159.456	71.799.076	3.053.152
62712	Chi phí chung: Nhân viên - PX2	647.950.400	42.438.112	7.957.146	57.210.842	2.652.382
62713	Chi phí chung: Nhân viên - PX3	780.400.900	35.209.360	6.601.755	59.061.340	2.200.585
62714	Chi phí chung: Nhân viên - PX4	58.570.4000	41.830.752	7.843.266	70.387.859	2.614.422
62715	Chi phí chung: Nhân viên - PX5	53.7283.000	19.636.416	3.681.828	29.171.326	1.227.276
6411	Chi phí BH : Nhân viên	3.122.231.000	40.255.120	7.547.835	60.588.520	2.299.278
6421	Chi phí Qly : nhân viên	3.802.276.701	36.788.449	6.897.834	73.890.634	2.515.945
	Tổng cộng	23.079.666.716	301.764.933	53.585.787	446.584.235	17.861.929

Người lập biểu

Ngàythángnăm
 Kế toán trưởng

Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Qua bảng phân bổ lương kế toán hạch toán tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm:

Nợ TK 622: 11.652.480.038

-6221: 3.024.420.000

-6222: 2.317.971.700

-6223: 2.275.501.100

-6224: 3.061.578.938

-6225: 973.008.300

Có TK 334: 11.652.480.038

(Ở công ty TK 334 được chia thành 3341: lương và TK3342: ăn ca)

Các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, kế toán tiến hành tập hợp vào bên nợ TK 627 cho cả công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm và nhân viên phân xưởng.

Cuối tháng chi phí nhân công trực tiếp được kết chuyển sang TK 154 để phục vụ cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh qua bảng Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.

Biểu 2.13

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

TẬP HỢP CHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tháng 12 năm 2010

STT	Diễn giải	Ghi nợ TK 622, ghi có các TK				Cộng nợ
		334	3382	3383	3384	
1	Chi phí nhân công trực tiếp - PX1	3.024.420.000				3.024.420.000
2	Chi phí nhân công trực tiếp - PX2	2.317.971.700				2.317.971.700
3	Chi phí nhân công trực tiếp - PX3	2.275.501.100				2.275.501.100
4	Chi phí nhân công trực tiếp - PX4	3.061.578.938				3.061.578.938
5	Chi phí nhân công trực tiếp - PX5	973.008.300				973.008.300

Ngày.....thángnăm.....

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.14

SỔ TỔNG HỢP TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 6221-O: Chi phí nhân công trực tiếp- ống PVC

TK DƯ	Tên tài khoản	Phát sinh	
		Nợ	Có
	Dư đầu kỳ		
154	Chi phí SXKD dở dang		3.024.420.000
1541	Chi phí SXKD dở dang – PX1		3.024.420.000
1541O	Chi phí SXKD dở dang – PX1- ống PVC		3.024.420.000
334		3.024.420.000	
3341		3.024.420.000	
	Tổng phát sinh	3.024.420.000	3.024.420.000

Biểu 2.15

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIÊU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2, An Đà, Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 622 : Chi phí nhân công trực tiếp

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này		Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
334				11.652.480.038	14.382.979.516
3341				3.024.420.000	12.684.394.356
3342					
.....					
.....					
Cộng số PS nợ			6.139.085.936	11.652.480.038	59.321.462.540
Tổng cộng PS có			6.139.085.936	11.652.480.038	59.321.462.540
Số dư cuối tháng : - Nợ					
- Có					

Ngàythángnăm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

2.2.4.3. Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung

***) Cách tập hợp:**

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng. Chi phí sản xuất chung là một phần của chi phí sản xuất và là một trong ba khoản mục chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm. Do đó hạch toán chi phí sản xuất chung là công việc cần thiết đòi hỏi kế toán phải ghi chép đầy đủ, chính xác và kịp thời mọi khoản chi phí phát sinh để phục vụ cho công tác tính giá thành, đồng thời phải đánh giá, phân tích hợp lý của từng chi phí sản xuất chung để giảm chúng một cách tối thiểu.

Tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong chi phí sản xuất chung phát sinh trong thời kỳ bao gồm:

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên PX.
- Chi phí vật liệu dùng cho quản lý phân xưởng như: giấy, mực in, văn phòng phẩm, sửa chữa máy móc trang thiết bị ...
- Chi phí về công cụ dụng cụ sản xuất và quản lý tại phân xưởng.
- Chi phí về khấu hao TSCĐ dùng cho sản xuất và quản lý tại phân xưởng, khấu hao sửa chữa lớn.
- Chi phí về dịch vụ mua ngoài như: điện, nước, điện thoại, xăng dầu ...
- Chi phí khác bằng tiền như: chi hội họp, tiếp khách, giao dịch... của mỗi phân xưởng.

Để tập hợp chi phí sản xuất chung, doanh nghiệp sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng phân xưởng (Chi tiết theo khoản mục TK 627), các tài khoản cấp hai như sau:

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng.

TK 6272: Chi phí vật liệu

TK6273: Chi phí dụng cụ sản xuất.

TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6278: chi phí bằng tiền khác.

Các TK cấp hai đó lại chia thành các tiểu TK theo dõi từng PX như TK 6271(1, 2, 3, 4, 5)- chi phí sản xuất chung: nhân viên PX 1, 2, 3, 4, 5; TK 6272 (1, 2, 3, 4, 5) – chi phí sản xuất chung: vật liệu PX 1, 2, 3, 4, 5 ...

Cụ thể các khoản chi phí sản xuất chung nêu trên được hạch toán như sau:

Đối với chi phí nhân viên phân xưởng: Nhân viên quản lý phân xưởng gồm: Quản đốc, phó quản đốc, kế hoạch viên, kỹ thuật viên, kiểm nghiệm viên và thống kê phân xưởng, thủ kho phân xưởng, vệ sinh công nghiệp.

Chi phí nhân viên phân xưởng bao gồm chi phí về tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) và tiền ca 3 + độc hại.

Trong các khoản trích theo lương trên của nhân viên phân xưởng gồm có cả các khoản trích theo lương của công nhân viên trực tiếp sản xuất (như đã nói trong phần tập hợp chi phí nhân công trực tiếp).

Đối với chi phí vật liệu:

Tại công ty chi phí vật liệu gồm có cả các chi phí về vật liệu dùng trong các phân xưởng như: vật liệu dùng trong sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà cửa kho tàng, các thiết bị này khi xuất dùng được ghi theo giá thực tế. Những chi phí đó được tập hợp vào tài khoản 6272 (chi tiết theo từng phân xưởng)

Đối với chi phí về công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng:

Công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng là những công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình sản xuất. Toàn bộ chi phí này được tập hợp vào Tk 6273 được phản ánh trong bảng phân bổ vật liệu.

Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định dùng tại phân xưởng:

Tại công ty, tài sản cố định được tính khấu hao bao gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị, kế toán tài sản cố định căn cứ vào nguyên giá tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao từng loại nhà xưởng, máy móc thiết bị để tính ra số khấu hao cơ bản phải trích trong tháng.

Toàn bộ tài sản cố định dùng trong quá trình sản xuất và phục vụ quản lý tại cả phân xưởng cần phải theo dõi chi tiết về số lượng, nguyên giá, thời gian sử dụng, tỷ lệ khấu hao, số khấu hao đã trích, sau đó tổng hợp lại ghi vào bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định tương ứng với TK 6274.

Đối với chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh tại công ty là những chi phí về điện, nước, điện thoại, xăng dầu ...

Toàn bộ chi phí này được tập hợp vào TK 6277 để theo dõi chi tiết các loại dịch vụ mua ngoài cho từng phân xưởng sử dụng. Cuối tháng tập hợp các số liệu của TK 6277 và các TK cấp 2 khác của TK 627 ghi vào TK 154.

Các khoản chi phí khác bằng tiền:

Được tập hợp vào TK 6278 (chi tiết từng phân xưởng) và hạch toán tương tự đối với dịch vụ mua ngoài.

****) Phân bổ chi phí sản xuất chung vào giá thành sản phẩm:***

Sau khi tập hợp được chi phí sản xuất chung cho từng phân xưởng, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm.

Tại công ty cách phân bổ chi phí sản xuất chung hiện nay đang áp dụng là phân bổ gián tiếp, tiêu thức phân bổ được phân theo tiền lương của nhân công trực tiếp tạo ra sản phẩm. Công thức:

Phân bổ chi phí SXC cho từng phân xưởng:

$$\text{Mức chi phí SXC phân bổ cho sp A} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiền lương thực tế}} \times \frac{\text{Tổng tiền lương phân bổ cho từng phân xưởng}}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{Mức chi phí SXC phân bổ cho sp A} & & \text{Tổng sản} & & \text{Định} \\ \text{SXC} & = & \frac{\quad}{\quad} & \times & \text{phẩm} & \times & \text{mức} \\ (\text{SP } A_i) & & \text{Tổng sản phẩm A x Định mức} & & A_i & & \text{SP } A_i \end{array}$$

Trong đó: - Sp A: sản phẩm A – sản phẩm của 1 PX sản xuất (vd: ống PVC...)

- Sp A_i : sản phẩm A với các quy cách, chủng loại khác nhau (vd: ống PVC Class 0 ĐK 48, ống PVC Class 0 ĐK 60...)

Cách phân bổ chi phí sản xuất chung cho sản phẩm ống lọc PVC class 0 ĐK60:

- Tổng chi phí sản xuất chung PX1 : 4.795.658.500

- Tổng định mức : 4.101.059.939

- Định mức chi phí sản xuất chung : 615đ/m

$$= \frac{4.795.658.500}{4.101.059.939} \times 39.624 \times 615$$
$$= 28.496.109$$

(Các sản phẩm khác tương tự)

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo phân xưởng và cuối tháng kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung, thể hiện qua bảng phân bổ khấu hao và bảng tập hợp chi phí sản xuất chung:

Biểu 2.16

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN

Tháng 12 năm 2006

Tài khoản nợ	Tài khoản có	Giá trị phân bổ
154.58 Chi phí SXKS dở dang- PXCĐ	2141 Hao mòn TSCĐ	30.880.123
154.9 Chi phí SXKD dở dang -Gia công	2141 Hao mòn TSCĐ	6.934.643
627.14 Chi phí chung: Nhân viên - PX4	2141 Hao mòn TSCĐ	1.509.710
627.41 Chi phí chung: Khấu hao – PX1	2141 Hao mòn TSCĐ	680.128.370
627.42 Chi phí chung : Khấu hao – PX2	2141 Hao mòn TSCĐ	420.474.923
627.43 Chi phí chung : Khấu hao – PX3	2141 Hao mòn TSCĐ	370.912.162
627.44 Chi phí chung : Khấu hao – PX4	2141 Hao mòn TSCĐ	224.121.649
627.45 Chi phí chung : Khấu hao – PX5	2141 Hao mòn TSCĐ	512.395.686
641.4 Chi phí BH: Khấu hao TSCĐ	2141 Hao mòn TSCĐ	94.632.868
642.4 Chi phí Quản lý: Khấu hao TSCĐ	2141 Hao mòn TSCĐ	215.705.499
Tổng cộng		2.557.695.633

Biểu 2.17:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngõ Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản	Diễn giải	Thực tế phát sinh trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm
62711	Chi phí chung: Nhân viên -PX1	983.251.916	6.490.216.919
62712	Chi phí chung: Nhân viên -PX3	908.052.882	5.759.528.245
62713	Chi phí chung: Nhân viên -PX3		
.....			
62721	Chi phí chung vật liệu - PX1	333.243.869	4.425.316.579
.....			
62731	Chi phí chung: Dụng cụ - PX1	45.199.870	671.423.043
.....			
62741	Chi phí chung: Khấu hao - PX1	680.128.370	7.337.508.344
.....			
62761	Chi phí chung :Sửa máy - PX1	708.915.861	4.795.939.764
.....			
62781	Chi phí chung khác - PX1	858.423.148	1.180.916.825
.....		381.515.395	517.153.003
62785	Chi phí chung khác - PX5		
	Tổng cộng	13.875.519.718	105.538.686.075

Cuối tháng kế toán phản ánh vào sổ tổng hợp tài khoản và sổ cái tài khoản 627 chi tiết cho từng loại sản phẩm.

Biểu 2.18

SỔ TỔNG HỢP TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 6271-O: Chi phí sản xuất chung- ống PVC

TK DƯ'	Tên tài khoản	Phát sinh	
		Nợ	Có
	Dư đầu kỳ		
111	Tiền mặt	242.099.000	
112	Tiền giữ ngân hàng	13.531.520	
152	Nguyên liệu, vật liệu	389.467.898	20.000.000
1521	Nguyên liệu chính		20.000.000
1522	Nguyên liệu phụ	190.270.336	
1523	Nhiên liệu	39.051.135	
1524	Phụ tùng	156.656.166	
1525	Vật liệu XD CB	3.490.261	
153	Công cụ, dụng cụ	6.725.841	
154	Chi phí SXKD dở dang	557.539.121	4.775.658.505
214	Hao mòn tài sản cố định	680.128.370	
242	Chi phí trả trước dài hạn	621.631.341	
331	Phải trả người bán	1.468.779.498	
334	Phải trả công nhân viên	681.073.800	
338	Phải nộp , phải trả khác	132.862.116	
3382	Kinh phí công đoàn	71.799.076	
3383	Bảo hiểm xã hội	48.850.432	
3384	Bảo hiểm y tế	9.159.456	
3389	Bảo hiểm thất nghiệp	3.053.152	
	Tổng phát sinh	4.795.658.505	4.795.658.505

2.2.4.4. Tập hợp chi phí sản xuất toàn công ty.

Sau khi đã hạch toán từng khoản mục chi phí sản xuất kế toán phải tập hợp lại để có số liệu chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, để từ đó tính giá thành sản phẩm. Kế toán sử dụng TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tập hợp chi phí sản xuất từ các tài khoản chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

TK 154 được mở chi tiết cho từng phân xưởng sản xuất.

- TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang PX1
- TK 1542: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang PX2
- TK 1543: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang PX3
- TK 1544: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang PX4
- TK 1545: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang PX5

Công ty cổ phần nhựa Thiều niên Tiên phong áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ nên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được tập hợp trên các nhật ký chứng từ. Do đó khi tập hợp chi phí sản xuất toàn công ty, kế toán sử dụng Nhật ký chứng từ số 7. Số liệu trên nhật ký chứng từ số 7 được lấy từ các bảng kê, bảng phân bổ, sổ tổng hợp TK154 (chi tiết từng phân xưởng) và các chứng từ khác đã lập khi hạch toán từng khoản mục chi phí.

BIỂU 2.19

SỔ TỔNG HỢP TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 1541-O: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang- ống PVC

TK DƯ	Tên tài khoản	Phát sinh	
		Nợ	Có
	Dư đầu kỳ	3.791.954.400	
155	Thành phẩm		51.761.727.760
621	Chi phí NVL trực tiếp	42.786.328.619	
6211	Chi phí NVL trực tiếp – PX1	42.786.328.619	
6211O	Chi phí NVL trực tiếp – PX1- ống PVC	42.786.328.619	
622	Chi phí nhân công trực tiếp	3.024.420.000	
6221	Chi phí nhân công trực tiếp- PX1	3.024.420.000	
627	Chi phí sản xuất chung	4.775.685.505	
6271	Chi phí chung: Nhân viên	983.251.916	
62711	Chi phí chung: Nhân viên – PX1	983.251.916	
6272	Chi phí chung: Vật liệu	333.243.869	
62721	Chi phí chung: Vật liệu – PX1	333.243.869	
6273	Chi phí chung: Dụng cụ	74.730.421	
62731	Chi phí chung: Dụng cụ -PX1	74.730.421	
6274	Chi phí chung: Khấu hao	680.128.370	
62741	Chi phí chung: Khấu hao – PX1	680.128.370	
6276	Chi phí chung : Sửa máy	1.236.924.431	
62761	Chi phí chung : Sửa máy – PX1	1.236.924.431	
6277	Chi phí chung : mua ngoài	608.956.350	
62771	Chi phí chung : mua ngoài – PX1	608.956.350	
6278	Chi phí chung : khác	858.423.148	
62781	Chi phí chung : khác – PX1	858.423.148	
	Tổng phát sinh	50.586.407.124	51.761.727.760
	Dư cuối kỳ	2.616.633.732	

Biểu 2.20:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2, An Đà, Hải Phòng

SỔ CÁI

TK 1541 :Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
3.791.954.400	

Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này			Tháng 11	Tháng 12	Cộng
621				42.786.328.619	453.954.279.251
622				3.024.420.000	32.195.954.327
627				4.775.658.505	28.899.911.148
Cộng số PS nợ				50.586.407.124	515.050.144.726
Tổng cộng PS có				51.761.727.760	514.706.819.348
Số dư cuối tháng : - Nợ				2.616.633.732	
- Có					

Ngàythángnăm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.21

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG KÊ SỔ 4

Phân I - Tập hợp chi phí Sản xuất theo phân xưởng
Tháng 12 năm 2010

STT	Các TK Ghi nợ Các TK ghi có	111	1121	141	1521		622	627	Cộng
A	B	1	2	3	4	5	22	23	24
1	154	151.159.000	2.095.113.453	17.919.000	8.994.447.814		11.652.480.038	15.066.090.915	225.458.948.533
2	621				185.524.582.619				186.470.777.127
3	622								11.652.480.038
4	627	836.461.000	285.997.895		53.571.502				15.275.375.154
	Tổng cộng	987.620.000	2.381.111.348	17.919.000	194.572.601.935		11.652.480.038	15.066.090.915	438.857.580.852

Người ghi sổ

Ngàythángnăm.....

Kế toán trưởng

Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngõ Quyền, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I - Tập hợp chi phí SXKD toàn doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2010

STT	Các TK ghi có Canc TK Ghi nợ	Có 152	Có 153	Có 154	Có 155	Có 214	Có 334	Có 338	Có 335	
	A	B	1	2	8	9	10	11	12	13
	242	1.148.231.154	533.235.000							
	621	185.524.582.619	816.462.628							
	622						11.652.480.038	11.652.480.038		
	627	1.292.136.597	674.485.198	1.190.571.197	2.417.052	2.209.542.500	3.232.412.100	3.754.998.883		
	641	2.602.643	1.228.831.381	30.326.092		94.632.868	3.122.231.000	3.233.138.142	24.926.317.000	
	642		156.357.267	368.390.875	722.969	215.705.499	3.802.276.701	3.922.152.896		
	Cộng A	187.967.553.013	3.409.371.474	1.590.288.164	3.140.031	2.519.880.867	21.809.399.839	22.562.770.237	24.926.317.000	
	111						6.000.000	21.974.068		
	154	9.074.912.303	111.550.807	53.462.692	44.456	37.814.766	1.264.266.877	1.314.719.295		
	155		346.239.033	142.697.592.580						
	211		10.381.800							
	241			43.581.618						
	334							20.783.701		
	632	1.238.396.094	11.065.163		113.872.112.612					
	635								272.311.207	
	Cộng B	10.239.429.531	480.306.926	221.041.484.168	116.016.814.953	37.814.766	1.270.266.877	1.357.477.064	272.311.207	
	Sinh viên Đào Thị Giang 54	18.214.982.544	1.889.678.400	1.811.329.652	1.256.046.904	2.557.695.633	23.079.666.716	23.920.247.301	25.198.628.207	

2.2.4.5. Kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.

****) Đánh giá sản phẩm dở dang.***

Do sản phẩm của công ty rất đa dạng, phong phú về chủng loại và số lượng. Trong các chi phí cấu thành nên thành phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Chính vì vậy công ty đã đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong thì sản phẩm dở dang là các loại ống nhựa chưa xẻ, các loại phụ tùng sản xuất ra chưa được in chữ trên sản phẩm hoặc những sản phẩm chưa làm xong nhưng tại thời điểm hạch toán chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm, vẫn để lại nơi chế phẩm việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ của công ty dựa vào các căn cứ sau:

- Số lượng của sản phẩm cuối kỳ được xác định thông qua báo cáo kiểm kê bán thành phẩm của các phân xưởng. Vào cuối tháng phụ trách phân xưởng và thủ kho tiến hành kiểm kê, lập báo cáo và gửi cho kế toán.

- Định mức tiêu hao nguyên vật liệu trực tiếp trong sản phẩm làm dở.

- Đơn giá nguyên vật liệu.

Công thức tính như sau:

$$\text{Giá trị SP dở dang cuối kỳ} = \sum \left(\begin{matrix} \text{Sản lượng SP dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Định mức} \\ \text{nguyên vật liệu} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Đơn giá} \\ \text{NVL} \end{matrix} \right)$$

Căn cứ vào Báo cáo bán thành phẩm của các phân xưởng, kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Tại tháng 12/2010 sản phẩm PVC class 0 ĐK 60 không có sản phẩm dở dang cuối kỳ.

****) Tính giá thành sản phẩm***

Sau khi tập hợp được các khoản chi phí, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm. Phương pháp tính giá thành sản phẩm áp dụng tại công ty là phương pháp tính giá thành giản đơn (PP trực tiếp).

Theo phương pháp này, giá thành được tính trên cơ sở chi phí sản xuất đã tập hợp trong kỳ, chi phí của sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Công thức tính như sau:

$$\text{Tổng giá thành SP} = \text{Chi phí SPDD đầu kỳ} + \text{Chi phí PS trong kỳ} - \text{Chi phí SPDD cuối kỳ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

Do đặc điểm là công ty sản xuất nhiều loại sản phẩm đa dạng, phong phú về chủng loại và kích cỡ nên em chỉ xin trình bày cách xác định giá thành của một loại sản phẩm (Ống lọc PVC class 0 ĐK 60) còn lại tất cả các sản phẩm khác cách xác định cũng tương tự:

Để sản xuất ra 39.624 m ống này thì cần có các chi phí đã phát sinh sau:

- Chi phí NVL trực tiếp : 334.918.366đ
- Chi phí nhân công trực tiếp: 18.057.636đ
- Chi phí sản xuất chung: 28.496.109đ

Biểu 2.22

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

ỐNG LỌC PVC class 0 ĐK 60

Tháng 12 năm 2010

Số lượng: 39.624m

TT	Khoản mục	Chi phí DD đầu kỳ	Chi phí PS trong kỳ	Chi phí DD cuối kỳ	Tổng giá thành sản phẩm	Giá thành đơn vị
1	Chi phí NVL_TT		334.918.366		334.918.366	8.453
2	Chi phí NC trực tiếp		18.057.636		18.057.636	456
3	Chi phí SXC		28.469.109		28.469.109	718
	Cộng		381.472.111		381.472.111	9.627

Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Sau khi tính được giá thành sản phẩm, kế toán giá thành tiến hành kết chuyển sản phẩm về kho thành phẩm cho kế toán tiêu thụ hạch toán tiêu thụ hạch toán trực tiếp.

Nợ TK 155: 381.472.111đ

(chi tiết cho 39.624m ống lọc PVC class 0 ĐK 60)

Có TK 154: 381.472.111đ

Biểu 2.24:

KÊ NHẬP KHO

TK nợ:155 - Thành phẩm

TK: 15410- Chi phí SXKD dở dang – PX1

Tháng 12/2010

Mã VT	Tên sản phẩm	ĐVT	Định mức (Gr/m)	Số lượng	Giá trị
O0110	Ống PVC class 0 ĐK 110	m	1.175	17.232	433.297.902
O0200	Ống PVC class 0 ĐK 200	m	3.725	2.448	200.405.624
O0400	Ống Class 0 ĐK 400x7,8	m	14.700	1.055	3030.032.465
O060	Ống PVC Class 0 ĐK 60	m	438	39.624	381.472.111
O075	Ống PVC Class 0 ĐK 75	m	683	39.768	649.882.671
.....					
	Tổng cộng		571.442	2.442.423	51.761.727.760

CHƯƠNG III

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

3.1. Đánh giá khái quát tình hình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc rất cần thiết và quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất. Nó giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp cũng như những người cần thông tin nắm bắt được tình hình thực hiện kế hoạch chi phí, giá thành, nhiệm vụ hạ giá thành. Nó cung cấp những tài liệu thực tế để chỉ đạo sản xuất kinh doanh, kiểm tra việc tiết kiệm chi phí.

So sánh giá thành kế hoạch và giá thành thực tế người ta biết được việc sử dụng các yếu tố sản xuất có tiết kiệm và hiệu quả không, nhà quản trị biết được khâu nào là tiết kiệm, khâu nào là lãng phí để từ đó phát huy những lợi thế cũng như tìm ra giải pháp kịp thời tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Tổ chức công tác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý các yếu tố đầu vào, đánh giá đúng đắn chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm, điều đó cũng có nghĩa là doanh nghiệp đã hạ được giá thành sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường tăng nhanh lợi nhuận tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất.

Yêu cầu công tác chi phí sản xuất kinh doanh đòi hỏi kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo đúng giá trị thực tế và địa điểm phát sinh chi phí, tính giá thành đầy đủ chính xác. Vì thế hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đã và đang luôn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp sản xuất nhằm từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong, tuy thời gian và trình độ còn hạn chế song để góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói

riêng tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số nhận xét và đề hướng khắc phục như sau:

3.1.1. Những ưu điểm

Sau nhiều năm sản xuất kinh doanh công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong đã giành được những thành tích đáng khích lệ, khẳng định được vị trí của mình trong thị trường, và công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam sản xuất các sản phẩm về nhựa dân dụng, đặc biệt là các sản phẩm ống nhựa phục vụ nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng. Chất lượng sản phẩm của công ty được khách hàng tín nhiệm cao với độ bền, độ cứng, chủng loại đa dạng, phong phú phù hợp với các đối tượng sử dụng, giá cả lại hợp lý nên ta có thể nói sản phẩm của công ty đã và đang chiếm được sự tin dùng của khách hàng.

Trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty đã đạt được một số ưu điểm sau:

***Một là:** Công tác kế toán tài chính tại công ty đã đáp ứng được yêu cầu về quản lý sản xuất và phát huy được vai trò của kế toán trong việc giám đốc đồng tiền với các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hàng năm tổng quyết toán đều đạt thời gian và yêu cầu của cấp trên đề ra với chất lượng cao.

*** Hai là:** về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung nên việc cung cấp số liệu giữa các bộ phận nhanh chóng, chính xác, kịp thời và đầy đủ, phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất của công ty. Mặt khác công ty có đội ngũ kế toán đa số làm việc lâu năm tại công ty, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình với công việc. Hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giúp giám đốc điều hành tốt công tác sản xuất kinh doanh của công ty.

*** Ba là:** về sổ sách chứng từ: Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ, phù hợp với thực tế công tác tổ chức kế toán tại công ty. Hình thức này rất thuận lợi cho công tác theo dõi sổ sách, đảm bảo thông tin lưu trữ được đầy đủ, chính xác đáp ứng được nhu cầu kiểm tra, đối chiếu. Mặt khác việc tổ chức luân chuyển chứng từ sổ sách giữa các phòng ban được nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

*** Bốn là:** Về công tác quản lý chi phí sản xuất: Công ty thực hiện tốt công tác quản lý kinh tế, quản lý chi phí sản xuất từ khâu nhập, xuất nguyên vật liệu, tính lương cho cán bộ công nhân viên, tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các bộ phận sản xuất, tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm một cách rõ ràng không trùng lặp. Quản lý chi phí sản xuất thông qua lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch giá thành cho từng giai đoạn sản xuất. Điều này chứng tỏ công ty đã gắn chặt sản xuất với thị trường.

*** Năm là:** Về công tác tính giá thành: Công ty áp dụng kỳ tính giá thành là tháng, đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết về chi phí giá thành cho nhà quản lý, giúp họ đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời trong sản xuất cũng như xác định giá bán sản phẩm. Qua đó giúp họ tìm ra nguyên nhân tăng giảm giá thành qua các tháng, từ đó đưa ra giải pháp hạ giá thành cho kỳ sau.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của công ty được tập hợp theo từng phân xưởng, trong phân xưởng lại tập hợp riêng cho từng sản phẩm. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm sản xuất và yêu cầu quản lý chi phí sản xuất cũng như yêu cầu về quản lý giá thành sản xuất sản phẩm của công ty hiện nay.

Hơn nữa để phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại công ty đã sử dụng hệ thống máy tính và phần mềm kế toán phù hợp, hỗ trợ cho nhân viên kế toán một cách đắc lực, đem lại hiệu quả cao trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng.

3.1.2. Những tồn tại

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm trên công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục và hoàn thiện:

Thứ nhất: Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu

Trên thực tế công ty đã xây dựng được một số định mức kinh tế - kỹ thuật cho các chi phí sản xuất. Đây là điều kiện giúp cho công ty phấn đấu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Tuy nhiên trên thị trường hiện nay do giá

cả của một số loại nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất sản phẩm luôn biến động, định mức chi phí của công ty đã xây dựng từ lâu. Chính điều này làm cho một số định mức chi phí của công ty chưa thật hợp lý, đảm bảo cho tính tiên tiến, khoa học khi dùng làm tiêu thức phân bổ chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Do đó chưa thực sự có tác dụng trong công tác quản lý chi phí, chưa là chỉ tiêu xác định để công ty có hướng phấn đấu thực hiện.

Công ty tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ là chưa chính xác. Vì đơn giá bình quân là cách tính chung mà không xác định được chính xác cho từng vật liệu từng lần nhập xuất.

Khi kế toán tiến hành phân bổ vật liệu dụng cụ vào bảng phân bổ vật liệu, kế toán đã phân bổ cả công cụ dụng cụ vào đối tượng sử dụng là TK 621, mà TK này bản chất là TK chi phí NVL trực tiếp – điều này là không hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Thứ hai: Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Việc khoán lương theo sản phẩm cho phân xưởng sản xuất là phù hợp, kích thích các tổ, đội cố gắng lao động có trách nhiệm và hiệu quả hơn. Tuy nhiên công ty lại chưa xây dựng chế độ thưởng phạt nghiêm minh để khuyến khích người lao động, nếu hưởng lương theo ngày công làm việc thì cứ có ngày công làm việc như nhau là hưởng lương như nhau. Do đó không phát hiện ra những lao động tốt để kịp thời khuyến khích, ngược lại cũng không nhận ra những người lao động chưa tốt để kiến nghị, sửa chữa.

Tại công ty hiện nay có một đội ngũ công nhân lao động khá lớn (hơn 400 người), do vậy số ngày nghỉ hàng năm của số người này sẽ lớn nhưng công ty không trích trước tiền lương nghỉ phép vào chi phí sản xuất hàng tháng, điều này sẽ dễ làm cho biến động chi phí nếu phân bổ chi thời gian nghỉ phép không hợp lý hàng tháng cho công nhân lao động.

Ngoài ra khi trích các khoản phải trả theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) cho công nhân trực tiếp sản xuất, kế toán không sử dụng TK 622 để phản ánh nghiệp vụ kinh tế này mà gộp cả vào phần trích các khoản phải trả theo lương cùng với Nhân viên phân xưởng (TK 6271).

Thứ ba: Về hạch toán chi phí sản xuất chung

Việc tính toán chi phí sản xuất chung trong công ty là chưa chính xác theo quyết định 15/2006 đó là việc tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định. Công ty vẫn áp dụng việc tính hoặc thôi tính khấu hao theo tháng và tính tròn tháng.

Theo quyết định 15/2006 của Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc trích khấu hao tài sản cố định là tính trích khấu hao bắt đầu từ ngày đưa tài sản cố định vào sử dụng. Như vậy việc tính và trích khấu hao là theo ngày.

Tại công ty cách phân bổ chi phí sản xuất chung hiện nay đang áp dụng là phân bổ gián tiếp, tiêu thức phân bổ được phân theo tiền lương của nhân công trực tiếp tạo ra sản phẩm. Công thức:

Phân bổ chi phí SXC cho từng phân xưởng:

$$\text{Mức chi phí SXC phân bổ cho sp A} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiền lương thực tế}} \times \frac{\text{Tổng tiền lương phân bổ cho từng phân xưởng}}$$

Việc phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiền lương nhân công trực tiếp tạo ra sản phẩm là chưa hợp lý, như ta đã biết công ty sản xuất nhiều loại sản phẩm, rất đa dạng, phong phú về chủng loại, mẫu mã. Mỗi phân xưởng có nhiều công nhân và sản xuất ra nhiều loại sản phẩm với kích cỡ khác nhau, vì vậy phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiền lương công nhân trực tiếp tạo ra sản phẩm là chưa chính xác, dẫn tới ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản phẩm trong kỳ.

Thứ tư: Về công tác đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ đúng, chính xác là cơ sở để xác định giá thành sản phẩm chính xác. Do vậy đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là khâu rất quan trọng, do đặc điểm sản xuất của công ty là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí nên việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hao phí định mức. Trong giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ còn bao gồm cả phần nguyên vật liệu chưa sử dụng hết trong tháng mà công ty đã tính vào giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ do vậy giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ có khoản mục nguyên vật liệu trực tiếp còn các chi phí khác như

nhân công trực tiếp, chi phí quản lý chung thì không tính vào giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, trong khi đó sản phẩm của công ty có những sản phẩm gần như đã hoàn thành (chưa xẻ ống lọc, chưa in chữ ... là những công đoạn bỏ ra rất ít trong giá thành).

Thứ năm: Về công tác tính giá thành sản phẩm:

Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong là một công ty có quy trình công nghệ sản xuất ổn định, có hệ thống các định mức kỹ thuật, định mức chi phí tiên tiến, hợp lý nhưng kết quả sản xuất thu được là từng nhóm sản phẩm cùng loại với quy cách. Do phương pháp tính giá thành sản phẩm áp dụng tại công ty là phương pháp tính giá thành giản đơn (PP trực tiếp) nên việc xác định giá cả cho từng loại sản phẩm có kích cỡ, quy cách khác nhau là chưa chính xác, hiệu quả chưa cao.

Thứ sáu: Về đội ngũ kế toán trong công ty và việc áp dụng máy tính vào công việc kế toán.

Trong công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong hiện nay có sử dụng hệ thống máy vi tính và phần mềm kế toán phục vụ cho công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

Trong các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong nói riêng mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp những thông tin mang tính quá khứ. Mà trong nền kinh tế thị trường và đang ngày một mở rộng như hiện nay thì điều đó là chưa đủ. Vì vậy công ty nên thành lập bộ phận kế toán làm công tác quản trị để giúp các nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn góp phần phát triển Công ty.

3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3.2.1. Sự cần thiết của hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Hiện nay, xu hướng hội nhập cùng toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực kế toán là một công cụ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế, giúp các doanh nghiệp ngày càng phát triển. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện công tác kế toán để có một xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn

chung của Quốc tế. Mục tiêu của Nhà nước là chỉ tạo ra khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp mình, đồng thời tối đa hoá khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng khác nhau. Đứng trước những thay đổi đó, Công ty cần hoàn thiện công tác kế toán để hòa nhập với sự phát triển chung của Thế giới và có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó dưới sự điều tiết của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường, muốn tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp luôn phải tìm mọi biện pháp để khẳng định vị trí của mình. Vấn đề này bao trùm, xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Cùng với các biện pháp như xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị, bố trí lao động hợp lý, nâng cao năng suất lao động... thì việc tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định quản lý tối ưu.

Chi phí sản xuất là cơ sở cấu thành nên giá thành sản phẩm, tiết kiệm được chi phí sản xuất sẽ góp phần hạ thấp giá thành sản phẩm. Hiện nay, tiết kiệm chi phí sản xuất đóng vai trò hết sức quan trọng, là mục tiêu phấn đấu, là một trong nhiệm vụ chủ yếu của các doanh nghiệp sản xuất. Do đó, yêu cầu của công tác quản lý kinh tế nói chung, của công tác quản lý sản xuất và chi phí sản xuất nói riêng đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức kế toán tổng hợp chi phí sản xuất một cách chính xác. Cụ thể: phải tổ chức ghi chép, tính toán, phân ánh từng loại chi phí sản xuất theo đúng địa điểm phát sinh và đối tượng chịu chi phí.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm phản ánh việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các chi phí về nguyên vật liệu, năng lượng, khả năng tận dụng công suất của máy móc thiết bị và trình độ áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào quá trình sản xuất, kết quả của việc sử dụng hợp lý sức lao động, và nâng cao năng suất lao động. Phấn đấu hạ giá thành sản phẩm góp phần tăng

tích lũy xã hội, tăng tốc độ và quy mô phát triển cải thiện đời sống cho người lao động, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của công tác quản lý kinh tế trong doanh nghiệp. Cụ thể: Phải tính đúng, tính đủ giá thành của từng loại sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra.

Tóm lại, việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành là một tất yếu khách quan phù hợp với quy luật phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế, phù hợp với nhu cầu tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất).

3.2.2. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

- Đem lại hiệu quả về mặt kinh tế so với hình thức và thực trạng đang áp dụng tại doanh nghiệp.
- Những biện pháp hoàn thiện phải tuân thủ theo các quy định, chuẩn mực chung và không vi phạm pháp luật.
- Các biện pháp này phải phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

3.2.3 Các nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

- Thứ nhất: Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.
- Thứ hai: Đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.
- Thứ ba: Đặc biệt sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được là cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Thứ tư: Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời và chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn, tối ưu.

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong.

*** Kiến nghị 1: Về tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Công ty đã xây dựng được một số định mức kinh tế - kỹ thuật cho các chi phí sản xuất, tuy nhiên trên thị trường hiện nay do giá cả của một số loại nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất sản phẩm luôn biến động, định mức chi phí của công ty đã xây dựng từ lâu. Chính điều này làm cho một số định mức chi phí của công ty chưa thật hợp lý, gây ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý chi phí sản xuất.

Để phát huy được tác dụng của các định mức chi phí, em có ý kiến công ty cần phải thường xuyên xây dựng định mức mới cho phù hợp với điều kiện sản xuất để từ đó mới đánh giá được tình hình thực hiện các chỉ tiêu đó.

Công ty tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ không xác định được chính xác cho từng vật liệu từng lần nhập xuất. Vì vậy nếu công ty tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập như vậy có thể phản ánh được chính xác đơn giá xuất vật liệu từ đó xác định được giá trị vật liệu xuất ra là nhiều hay ít, là tiết kiệm hay lãng phí.

Khi kế toán tiến hành phân bổ vật liệu dụng cụ vào bảng phân bổ vật liệu, kế toán đã phân bổ cả công cụ dụng cụ vào đối tượng sử dụng là TK 621. Theo em công ty nên phân bổ các chi phí là công cụ dụng cụ vào TK 6273 (chi phí dụng cụ sản xuất), như vậy mới phù hợp với công tác kế toán như hiện nay.

Khi phát sinh các chi phí về công cụ dụng cụ trong sản xuất tại các phân xưởng của công ty, thì kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK627 : 816.462.628 (chi tiết 6273- Chi phí công cụ dụng cụ)

Có TK 1532: 816.462.628

Sau đó tiến hành đưa các số liệu đó vào bảng phân bổ vật liệu và các sổ sách liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Tháng 12 năm 2010

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG (GHI NỢ CÁC TÀI KHOẢN)		1521	1522	1523	1524	1525	1531	1532	TỔNG CỘNG
138	Phải thu khác						1.070.123		1.070.123
154	Chi phí SXKD dở dang	8.994.447.814	749.287	75.000	11.018.443	68.579.046	40.284.778	39.278.772	9.154.433.140
621	Chi phí NVL trực tiếp	185.524.582.619	129.731.880					816.462.628	186.470.777.127
6211	Chi phí NVL TT - PX1	42.786.328.619							42.786.328.619
6212	Chi phí NVL TT - PX2	51.983.459.458							51.983.459.458
6213	Chi phí NVL TT - PX3	26.768.937.856							26.768.937.856
6214	Chi phí NVL TT - PX4	49.927.297.389	129.731.880						50.057.029.269
6215	Chi phí NVL TT - PX5	14.058.559.297							14.058.559.297
627	Chi phí sản xuất chung	53.571.502	248.513.051	57.008.026	2.200.857.427	11.463.123	674.485.198	816.462.628	3.383.366.000
632	Giá vốn hàng bán	1.238.396.094		67.336	1.943.830	132.067	11.065.163		1.250.510.875
641	Chi phí bán hàng						316.000.000	912.831.381	1.228.831.381
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.317	7.630.301	60.000	2.141.896	271.815	143.353.415	13.003.852	179.369.468
	Tổng cộng	195.811.033.346	386.624.519	98.749.551	2.216.753.596	80.446.051	2.108.101.767	1.781.576.633	202.483.285.463

Ngày tháng..... năm.....

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*** Kiến nghị 2: Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**

Đối với việc chi lương trong công ty để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, Công ty nên xây dựng chế độ thưởng phạt rõ ràng để kích thích người lao động. Hàng tháng công ty căn cứ vào số lượng sản phẩm làm ra, chất lượng sản phẩm, bảng chấm công, bảng thanh toán làm thêm giờ và thời gian hoàn thành công của từng phân xưởng và so sánh với kế hoạch hoàn thành công việc đã đề ra để từ đó đưa ra các mức thưởng, phạt hợp lý.

Công ty nên trích trước tiền lương nghỉ phép cho cán bộ công nhân viên trong công ty để tránh sự ảnh hưởng của vấn đề này đến giá thành trong thời gian đó.

Căn cứ vào bậc lương và số ngày nghỉ phép của từng cá nhân để tính quỹ lương giành cho thời gian nghỉ phép

Nợ TK 622: đối với nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm

Nợ TK 6271: đối với người quản lý phân xưởng, nhân công không trực tiếp sản xuất ra sản phẩm

Có TK 335

Hàng tháng khi phát sinh thực tế chi phí nghỉ phép, kế toán ghi:

Nợ TK 335:

Có TK 111,334:

Thực hiện trích trước theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền trích} \\ \text{trước của công} \\ \text{nhan nghỉ phép} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương thực tế phải trư} \\ \text{công nhân viên trực tiếp sản} \\ \text{xuất trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trích trước} \end{array}$$

Trong đó tỷ lệ trích trước do công ty tính toán nhằm đưa ra được tỷ lệ trích phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty mình.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trích} \\ \text{trước} \end{array} = \frac{\text{Tổng số tiền lương nghỉ phép kế hoạch năm phải trả CNV}}{\text{Tổng số tiền lương kế hoạch năm phải trả cho CNV}}$$

Ví dụ: Tại PX1 số tiền lương kế hoạch năm trả cho công nhân là 9.000.000.000đ, số tiền lương nghỉ phép kế hoạch là 200.000.000

$$\text{Tỷ lệ trích} = \frac{200.000.000}{9.000.000.000} = 0,22\% = 2,2\%$$

Từ đó tính số tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên phân xưởng, nhân viên quản lý ...

*** Kiến nghị 3: Về hạch toán chi phí sản xuất chung**

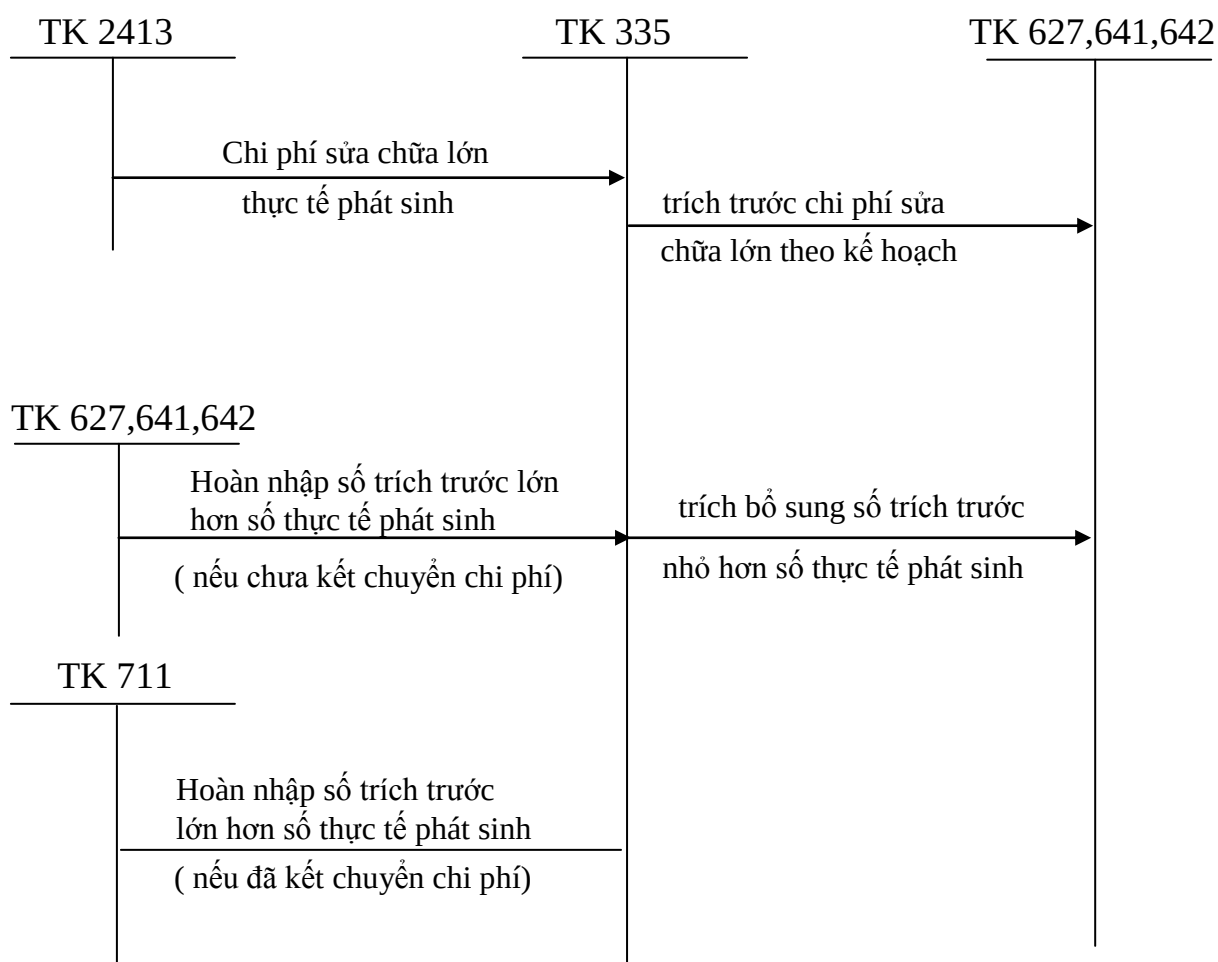
Tại công ty cách phân bổ chi phí sản xuất chung hiện nay đang áp dụng là phân bổ gián tiếp, tiêu thức phân bổ được phân theo tiền lương của nhân công trực tiếp tạo ra sản phẩm. Việc phân bổ chi phí theo tiêu thức này chưa chính xác ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản phẩm. Theo em, công ty nên phân bổ chi phí sản xuất chung theo nguyên vật liệu trực tiếp tạo ra sản phẩm. Công thức phân bổ:

$$\text{Mức chi phí SXC phân bổ cho sp A} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC cần phân bổ}}{\text{Tổng chi phí NVL trực tiếp}} \times \frac{\text{Tổng chi phí NVL trực tiếp phân bổ cho từng PX}}$$

Theo quyết định 15/2006 của Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc trích khấu hao bắt đầu từ ngày đưa tài sản cố định vào sử dụng. Vậy việc tính khấu hao là theo ngày.

Ngoài ra công ty nên trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Công ty nên lập kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định ngay từ đầu năm, để bộ phận kế toán căn cứ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định kế toán hạch toán theo sơ đồ sau:



Khi thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định sẽ giúp cho quá trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được đúng, tính đủ, không gây sự biến động lớn cho giá thành nếu chi phí này có phát sinh. Giúp cho các nhà quản trị có được những kế hoạch trong việc sử dụng tài sản cố định sao cho phù hợp, và đưa ra được những quyết định đúng đắn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Kiến nghị 4: Về công tác đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

Vì công ty đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, để giúp cho việc xác định tổng giá thành và giá thành đơn vị của mỗi đối tượng có độ chính xác cao hơn em xin đưa ra kiến nghị công ty nên tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí sản xuất định mức và xác định hoàn thành của sản phẩm làm dở cuối kỳ ở từng giai đoạn.

*** Kiến nghị 5: Về công tác tính giá thành sản phẩm**

Do đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình công nghệ (từng phân xưởng sản xuất)

- Phân xưởng I : Sản xuất ống nhựa PVC đường kính nhỏ
- Phân xưởng II : Sản xuất ống nhựa PVC đường kính lớn, máng nhựa
- Phân xưởng III : Sản xuất phụ tùng PVC, PE phun,
- Phân xưởng IV: Sản xuất phụ tùng PVC phun, PVC hàn, PE hàn, PE phun, PPR, keo, gioăng,
- Phân xưởng V : Sản xuất ống PPR, ống PE ...

Những loại đó thực chất là các nhóm sản phẩm của công ty mà đang là đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty hiện nay thì công ty nên áp dụng phương pháp tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ để xác định được giá thành của từng đối tượng từ đó làm cơ sở để xác định giá cả cho từng loại có kích cỡ, quy cách khác nhau vừa đánh giá chính xác kết quả sản xuất kinh doanh đối với việc sản xuất từng loại mặt hàng vừa giảm bớt được khối lượng tính toán, nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Ngoài ra để thuận tiện cho việc tập hợp và theo dõi chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm, công ty nên mở thêm sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí là từng phân xưởng nhằm phản ánh chi phí sản xuất trong kỳ, giúp cho kế toán thuận tiện cho việc theo dõi và tổng hợp chi phí, từ đó đưa ra các biện pháp giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI CHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản:....

Phân xưởng:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ Tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Ghi có TK ...						
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày Tháng Năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

*** Kiến nghị 6: Đội ngũ kế toán và việc sử dụng máy tính trong công tác kế toán.**

Để đảm bảo tính toán kịp thời, nhanh chóng, phục vụ tốt cho công tác kế toán trong công ty đã sử dụng hệ thống máy tính và phần mềm kế toán BRAVO. Tất cả công việc kế toán đều làm trực tiếp trên máy tính vì vậy công ty thường xuyên xem lại hệ thống máy tính trong phòng Tài chính kế toán đảm bảo cho công tác kế toán được chính xác, hiệu quả, đúng tiến độ và lưu trữ an toàn. Công ty phải thường xuyên phối hợp với các chuyên gia, những người hiểu biết về máy tính, mua sắm các thiết bị đáp ứng cho công việc.

Ngoài ra, tại Công ty chức năng kế toán mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp những thông tin mang tính quá khứ, chưa phản ánh được xu hướng biến động của chi phí nguyên nhân gây ra những biến động này. Chính vì thế, công tác quản lý chi phí của Công ty còn mang tính bị động, chỉ dựa vào chức năng giám sát của lãnh đạo đưa ra quyết định điều hành mọi hoạt động nhằm hướng tới các mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận.

Ví dụ: Khi theo dõi sự biến động của giá thành sản phẩm, kế toán quản trị có thể lập bảng phân tích giá thành theo mẫu sau:

BẢNG PHÂN TÍCH TÍNH GIÁ THÀNH

Sản phẩm:

Tháng..... năm

Khoản mục chi phí	Giá thành kế hoạch	Giá thành thực tế	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối	Số tương đối
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp				
Chi phí nhân công trực tiếp				
Chi phí sản xuất chung				
Tổng				

Trên cơ sở đó kế toán sẽ làm rõ nguyên nhân những biến động của chi phí. Điều này giúp các nhà quản lý phát hiện được những chênh lệch và nắm bắt được nguyên nhân biến động để có biện pháp quản lý hiệu quả.

Việc kết hợp kế toán quản trị cùng với hệ thống kế toán tài chính trong doanh nghiệp luôn là một trong những biện pháp hiệu quả nhất để tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Qua những công cụ phân tích của kế toán quản trị, các thông tin về kinh tế, tài chính là cơ sở quan trọng để có các quyết định đem lại nhiều lợi nhuận trong kinh doanh cũng như trong tính khoa học trong quản lý.

Trên đây là những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong. Có như vậy thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong mới đem lại hiệu quả cao ngày càng hoàn thiện.

3.4. Phương pháp hạ giá thành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

* Phương hướng hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh

Để hạ thấp tới mức tối thiểu giá thành sản phẩm sản xuất ra, nhiệm vụ này không chỉ của riêng phòng kế toán đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà còn là nhiệm vụ của tất cả phòng ban trong công ty.

Đối với một số phòng ban:

- Phòng Kế hoạch: lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng giá thành sản phẩm ... sao cho hợp lý.

- Phòng Tổ chức lao động: tổ chức lực lượng lao động sản xuất cho phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất, tổ chức bồi dưỡng đào tạo nâng cao tay nghề cho nhân công lao động.

- Phòng Tài chính quản lý mọi hoạt động kế toán tài chính của công ty sao cho có hiệu quả nhất.

Giá thành sản phẩm của công ty được cấu thành bởi ba yếu tố chi phí sản xuất, nên có 3 phương án có thể hạ thấp giá thành sản phẩm:

Phương án 1: Hạ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của công ty. Chính vì vậy công ty cần phải tìm kiếm trên thị trường, để làm sao hạ bớt được chi phí về thu mua nguyên vật liệu nhằm hạ thấp chi phí về NVL dùng cho sản xuất.

- Tiết kiệm NVL trong sản xuất
- Tìm kiếm nguồn NVL thay thế rẻ hơn (nếu có)

Phương án 2: Hạ thấp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất

- Chi phí nhân công là một trong ba chi phí khá lớn trong quá trình sản xuất sản phẩm, nhưng những khoản trả cho chi phí này khó có thể hạ thấp được, vì hầu hết nhân công của công ty đều có biên chế chính thức, do vậy chỉ có thể là sắp xếp lực lượng lao động trực tiếp sao cho phù hợp nhằm tránh trường hợp máy ngừng hoạt động do thiếu công nhân vận hành, hay hoạt động chưa đúng với tiềm năng của máy móc

- Đào tạo công nhân kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động
- Kết hợp với các hình thức khen thưởng kịp thời, hợp lý và luôn chăm lo đến đời sống người lao động ...

Phương án 3: Hạ thấp chi phí sản xuất chung:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: chi phí này có thể giảm bớt bằng cách cắt giảm những biên chế không cần thiết.

- Công ty nên cắt bỏ một số chi phí quản lý như: chi phí cho các cuộc họp trong phân xưởng ...

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất chính, chính vì thế đây cũng là vấn đề cần quan tâm của ban lãnh đạo công ty là phải làm thế nào để đưa ra phương pháp tính khấu hao cho phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty mình.

- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: công ty nên thường xuyên chú ý tới công tác bảo dưỡng, tu bổ và nâng cấp máy móc để tránh tình trạng máy hư hỏng nặng mới mang đi sửa chữa, dẫn đến chi phí trong sửa chữa lớn mất quá nhiều và hoạt động sản xuất bị đình trệ.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là vấn đề quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như toàn bộ nền chi phí quốc dân. Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay đòi hỏi mọi doanh nghiệp phải quan tâm đặc biệt với việc tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Thực hiện tốt yêu cầu trên chính là cơ sở để đánh giá kết quả sản xuất và cũng là căn cứ, tiền đề để tìm biện pháp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong là thật sự rất cần thiết.

Qua quá trình thực tập tại Công ty em đã tiếp xúc với thực tế với công tác kế toán hạch toán của Công ty và đặc biệt là hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như bộ máy tổ chức quản lý. Qua đó em có điều kiện hiểu sâu hơn về những kiến thức đã học, tìm hiểu việc vận dụng vào thực tế như thế nào.

Từ thực tế của Công ty em đã đưa ra một số nhận xét về những ưu điểm, nhược điểm và đã mạnh dạn đưa ra một số đóng góp để góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

Do thời gian thực tập hạn chế, đồng thời kinh nghiệm thực tế của bản thân vẫn chưa có nên bài viết này chắc chắn là còn nhiều hạn chế. Em mong rằng sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp, giúp đỡ của các thầy cô và các cô chú cán bộ kế toán của Công ty ...

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo: Th.S: Ngô Thị Thanh Huyền và các cô chú phòng Kế toán – Tài chính của Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền phong đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đào Thị Chang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính – PGS.TS. Võ Văn Nhị. PGS.TS. Phan Thị Cúc, ThS. Dương Hồng Thủy, CN. Mai Bình Dương (nhà xuất bản Tài Chính) năm 2009.
2. Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp – TS. Võ Văn Nhị, Th.S Phạm Thanh Liêm, Th.S Lý Kim Huê (Nhà xuất bản thống kê) năm 2002.
3. Kế toán chi phí giá thành- Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh – Khoa kinh tế - TS. Phan Đức Dũng (Nhà xuất bản thống kê) năm 2007.
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – TS. Nguyễn Công Văn (Nhà xuất bản Tài Chính) năm 2001.
5. Chế độ kế toán quền 1 và quền 2 (Bộ Tài chính) năm 2006
6. Các khóa luận năm trước của trường Đại học dân lập Hải Phòng.